

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Ngô Ngọc Hà

Giảng viên hướng dẫn: ThS.Trần Thị Thanh Phương

HẢI PHÒNG - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU
TẠI CÔNG TY TNHH NAM QUÂN

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ LIÊN THÔNG

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên :Ngô Ngọc Hà

Giảng viên hướng dẫn: Ths. Trần Thị Thanh Phương

HẢI PHÒNG - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Ngô Ngọc Hà

Mã SV:1513401004

Lớp: QTL901K

Ngành: Kế toán kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty
TNHH Nam Quân

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Tìm hiểu lý luận chung về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất.
 - Tìm hiểu thực trạng tổ chức công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Nam Quân.
 - Vận dụng lý luận vào thực tế, bám sát thực tiễn công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty để tìm ra những biện pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại đơn vị thực tập.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Sử dụng số liệu về tình hình kinh doanh của công ty TNHH Nam Quân
 - Sử dụng về số liệu thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Nam Quân.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công ty TNHH Nam Quân
 - Địa chỉ: Đường 208, xã An Đồng, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Phương

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Nam Quân.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 10 tháng 10 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2016

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

- 1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**
 - Chịu khó học hỏi, nghiên cứu tài liệu phục vụ cho quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu.
 - Tuân thủ nghiêm túc yêu cầu về thời gian và nội dung nghiên cứu.
- 2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**
 - Về mặt lý luận: Tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu.
 - Về mặt thực tế: Tác giả đã phản ánh được thực trạng của đối tượng nghiên cứu.
 - Những giải pháp mà tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn và có tính khả thi

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2016

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP.....	2
1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán nguyên vật liệu trong Doanh nghiệp.....	2
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm nguyên vật liệu	2
1.1.2. Phân loại, đánh giá nguyên vật liệu.....	2
1.1.2.1. Phân loại nguyên vật liệu.	2
1.1.2.2. Đánh giá nguyên vật liệu.....	4
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	9
1.1.4. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp..	10
1.2. Nội dung tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	10
1.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.....	10
1.2.1.1. Phương pháp thẻ song song.....	10
1.2.1.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	12
1.2.1.3. Phương pháp sổ số dư.....	14
1.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp	15
1.2.2.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên	15
1.2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.	19
1.3. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.....	21
1.4. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán nguyên vật liệu trong Doanh nghiệp.....	23
1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	23
1.4.2. Hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái	25
1.4.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	27
1.4.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính	30
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH NAM QUÂN	31
2.1. Khái quát về công ty	31
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty.....	31
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty	32
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	34

2.1.4.	Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty	35
2.1.4.1.	Tổ chức bộ máy kế toán	35
2.1.4.2.	Chế độ kế toán áp dụng tại công ty	36
2.2.	Thực trạng công tác kế toán Nguyên vật liệu tại công ty	39
2.2.1.	Kế toán chi tiết Nguyên vật liệu tại công ty	39
2.2.1.1.	Thủ tục nhập-xuất.....	39
2.2.1.2.	Phương pháp kế toán chi tiết Nguyên vật liệu tại công ty TNHH Nam Quân	57
2.2.2.	Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty TNHH Nam Quân	71
2.2.3.	Tổ chức kiểm kê tại công ty TNHH Nam Quân.....	78
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH NAM QUÂN		82
3.1.	Nhận xét chung về kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Nam Quân.	82
3.1.1.	Ưu điểm.....	82
3.1.1.1.	Tổ chức bộ máy quản lý.....	82
3.1.1.2.	Tổ chức về công tác kế toán.....	83
3.1.1.3.	Tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Nam Quân.....	84
3.1.2.	Hạn chế	85
3.2.	Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Nam Quân.	86
3.2.1.	Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu	86
3.2.2.	Yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện.....	86
3.2.3.	Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Nam Quân	88
KẾT LUẬN		94
TÀI LIỆU THAM KHẢO		95

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song...	12
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển	13
Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư	15
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên theo Chế độ kế toán Doanh nghiệp nhỏ và vừa	18
Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung	25
Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái.....	27
Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	29
Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Máy	30
Sơ đồ 2.1: Quy trình in và sản xuất bao bì tại công ty.....	33
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	34
Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung	38
Sơ đồ 2.5: Sơ đồ hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song...	57
Sơ đồ 2.6: Sơ đồ kế toán theo hình thức Nhật ký chung của công ty TNHH Nam Quân	72

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: HĐGTGT số 0000662.....	41
Biểu số 2.2: Biên bản giao nhận nguyên vật liệu.....	42
Biểu số 2.3: Biên bản kiểm nghiệm vật tư.....	43
Biểu số 2.4: phiếu nhập kho.....	44
Biểu số 2.5: Hóa đơn GTGT số 0001192.....	46
Biểu số 2.6: Biên bản giao nhận nguyên vật liệu.....	47
Biểu số 2.7: Biên bản kiểm nghiệm vật tư.....	48
Biểu số 2.8: phiếu nhập kho.....	49
Biểu số 2.9: Phiếu chi.....	50
Biểu số 2.10: Giấy đề nghị lĩnh vật tư.....	55
Biểu số 2.11: Phiếu xuất kho.....	56
Biểu số 2.12: thẻ kho của Giấy Duplex.....	60
Biểu số 2.13: Thẻ kho của Sóng E.....	61
Biểu số 2.14: Thẻ kho của Mực in CL.....	62
Biểu số 2.15: Thẻ kho của Bản kẽm.....	63
Biểu số 2.16: Thẻ kho của Khuy lỗ.....	64
Biểu số 2.17: Sổ chi tiết của Giấy Duplex.....	65
Biểu số 2.18: Sổ chi tiết của Sóng E.....	66
Biểu số 2.19: Sổ chi tiết của Mực in CL.....	67
Biểu số 2.20: Sổ chi tiết của Bản kẽm.....	68
Biểu số 2.21: Sổ chi tiết của Khuy lỗ.....	69
Biểu số 2.22: Bảng tổng hợp nguyên vật liệu.....	70
Biểu số 2.23: Bảng kê phiếu xuất kho.....	75
Biểu số 2.24: Sổ nhật ký chung.....	76
Biểu số 2.25: Sổ Cái TK 152.....	77
Biểu số 2.26: Biên bản kiểm kê nguyên vật liệu.....	81
Biểu số 3.1: Giao diện phần mềm MISA.....	89
Biểu số 3.2: Giao diện phần mềm kế toán FAST.....	90
Biểu số 3.3: Sổ danh điểm vật tư.....	92
Biểu số 3.4: Sổ giao nhận chứng từ.....	93

LỜI MỞ ĐẦU

Việt Nam đang trên đường hội nhập với nền kinh tế thế giới đã mở ra không ít những cơ hội phát triển cho các Doanh nghiệp. Các Doanh nghiệp càng ngày càng khẳng định vị thế của mình trên thị trường trong nước và quốc tế. Muốn tồn tại và phát triển Doanh nghiệp luôn phải tìm cho mình những hướng đi riêng. Một trong những biện pháp mà hầu hết các Doanh nghiệp áp dụng là cắt giảm chi phí để nâng cao lợi nhuận, đây là chiến thuật giảm giá thành để tạo cạnh tranh về giá bán. Để đạt được mục đích này, các nhà quản trị đã đặc biệt coi trọng công tác kế toán và nhất là kế toán nguyên vật liệu.

Trong các doanh nghiệp sản xuất, nguyên vật liệu là một trong những yếu tố quan trọng của quá trình sản xuất và cấu thành nên giá của sản phẩm. Do đó muốn tối đa hóa lợi nhuận, bên cạnh việc sử dụng đúng loại nguyên vật liệu, đảm bảo chất lượng, Doanh nghiệp phải biết sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguyên vật liệu.. Như vậy có thể nói việc quản lý nguyên vật liệu là rất cần thiết, từ đó đòi hỏi công tác tổ chức kế toán nguyên vật liệu phải được thực hiện tốt, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, hạ thấp chi phí trong sản xuất.

Xuất phát từ những lý do trên, qua thời gian thực tập tại công ty TNHH Nam Quân, em đã đi sâu tìm hiểu thực tế và nhận thấy tầm quan trọng của nguyên vật liệu đối với quá trình sản xuất, sự cần thiết phải tổ chức quản lý nguyên vật liệu và công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề cơ bản về công tác kế toán nguyên vật liệu trong Doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Nam Quân

Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Nam Quân.

Do trình độ cũng như thời gian còn nhiều hạn chế nên trong bài khóa luận của em không tránh khỏi thiếu sót. Em kính mong nhận được nhiều sự góp ý của các thầy cô để bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Ngô Ngọc Hà

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán nguyên vật liệu trong Doanh nghiệp.

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm nguyên vật liệu

❖ Khái niệm:

- Nguyên liệu, vật liệu là những đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến dùng cho mục đích sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp. Nguyên liệu, vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất nhất định, giá trị của nó chuyển hết vào giá trị của sản phẩm mới làm ra. Chi phí về nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số chi phí sản xuất để tạo ra sản phẩm. Nguyên vật liệu có chất lượng cao, đúng quy cách, chủng loại thì sản phẩm sản xuất ra mới đạt yêu cầu, nguyên vật liệu mua về mới tận dụng được tối đa vì vậy chi phí nguyên vật liệu được hạ thấp, giá thành hạ làm cho doanh nghiệp có thể đạt được lợi nhuận cao, tồn tại được trong cơ chế thị trường.

Nguyên vật liệu là một bộ phận của hàng tồn kho, là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm.

❖ Đặc điểm:

Nguyên vật liệu là đối tượng lao động mua ngoài hoặc tự chế biến cần thiết trong quá trình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp mang những đặc điểm sau:

- Tham gia vào một chu kỳ sản xuất chế tạo sản phẩm và cung cấp dịch vụ.
- Khi tham gia vào quá trình sản xuất nguyên liệu, vật liệu thay đổi hoàn toàn hình thái vật chất ban đầu và giá trị được chuyển toàn bộ, một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh.

1.1.2. Phân loại, đánh giá nguyên vật liệu.

1.1.2.1. Phân loại nguyên vật liệu.

- *Căn cứ vào vai trò, công dụng của từng loại nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh, nguyên vật liệu được chia thành các nhóm như sau:*

- **Nguyên liệu, vật liệu chính:** là những loại nguyên vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất chúng cấu thành thực thể chính của sản phẩm. Nguyên liệu, vật liệu chính bao gồm cả bán thành phẩm mua ngoài với mục đích tiếp tục quá trình chế biến, chế tạo ra sản phẩm.
- **Vật liệu phụ:** là những loại nguyên vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất không cấu thành thực thể của sản phẩm mà chỉ kết hợp với nguyên vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, hình dáng, mùi vị, tăng chất lượng của sản phẩm hoặc tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm được thực hiện bình thường hoặc phục vụ cho nhu cầu công nghệ, kỹ thuật, phục vụ cho quá trình lao động.
- **Nhiên liệu:** thực chất là vật liệu phụ nhưng do tính chất lý, hóa của chúng mà xếp chúng vào một loại riêng để tiện cho công tác quản lý và bảo quản. Nhiên liệu bao gồm các loại nguyên vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất tạo ra năng lượng như: xăng, dầu, than củi, khí đốt,...
- **Phụ tùng thay thế:** là những loại vật tư dùng để thay thế khi sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ trong quá trình sản xuất khi chúng bị hao mòn, hư hỏng.
- **Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản:** là những loại vật liệu và thiết bị dùng trong xây dựng cơ bản bao gồm các thiết bị cần lắp và không cần lắp, công cụ khí cụ, vật kết cấu dùng để lắp đặt vào những công trình xây dựng cơ bản.
- **Vật liệu khác:** là những thứ vật liệu không thuộc các loại nguyên vật liệu trên như: Phế liệu, vật liệu đặc chủng, đặc biệt.
- *Căn cứ vào nguồn hình thành nguyên vật liệu có thể phân loại như sau*
 - Nguyên vật liệu do mua ngoài
 - Nguyên vật liệu do doanh nghiệp tự sản xuất
 - Nguyên vật liệu do từ các nguồn khác như: cấp phát, biếu tặng, liên doanh.
- *Căn cứ vào mục đích và nơi sử dụng nguyên vật liệu được phân loại như sau:*
 - Nguyên vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm
 - Nguyên vật liệu dùng cho công tác quản lý
 - Nguyên vật liệu dùng cho mục đích khác.

Trên cơ sở phân loại nguyên vật liệu doanh nghiệp cần xác định “Sổ điểm danh vật liệu” để thống nhất tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, quy cách để tiết kiệm thời gian trong việc đối chiếu giữa kho và tìm kiếm thông tin về mọi loại vật liệu nào đó, đặc biệt là trong điều kiện cơ giới hóa, tự động hóa công tác tính toán trong doanh nghiệp.

1.1.2.2. Đánh giá nguyên vật liệu

Đánh giá nguyên vật liệu là dùng thước đo tiền tệ để biểu hiện giá trị nguyên vật liệu theo những nguyên tắc nhất định, đảm bảo yêu cầu chân thực, thống nhất. Về nguyên tắc nguyên vật liệu nằm trong giá thành sản phẩm, đồng thời nó còn thuộc tài sản lưu động nằm trong bảng cân đối kế toán. Vì vậy phải đánh giá nguyên vật liệu chính xác để đảm bảo tính chính xác của giá thành và thông tin trên bảng cân đối kế toán, nguyên vật liệu được phản ánh trong sổ kế toán và báo cáo theo một nguyên tắc cơ bản đánh giá theo trị giá vốn thực tế. Nghĩa là khi nhập kho phải tính theo giá trị vật liệu thực tế nhập. Khi xuất kho cũng phải xác định trị giá thực tế xuất kho theo phương pháp quy định.

Nguyên tắc chung để hạch toán nguyên vật liệu nhập-xuất-tồn kho phải theo giá thực tế của các loại vật liệu. Giá thực tế sẽ bằng giá ghi trên hóa đơn cộng với chi phí vận chuyển bốc dỡ, thuế giá trị gia tăng (nếu có).

➤ Đánh giá nguyên vật liệu cần phải tuân thủ những nguyên tắc

Nguyên tắc giá gốc: Giá gốc hay còn gọi là trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu, là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra để có được nguyên vật liệu đó ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Nguyên tắc nhất quán: Các chính sách và phương pháp kế toán mà doanh nghiệp đã lựa chọn phải được áp dụng thống nhất ít nhất trong một niên độ kế toán. Trường hợp có thay đổi chính sách và phương pháp kế toán đã chọn thì phải giải trình lý do và ảnh hưởng của sự thay đổi đó trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.

Nguyên tắc thận trọng: Nguyên vật liệu được đánh giá theo giá gốc, nhưng trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được..

➤ Phương pháp tính giá hàng nhập kho

Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho được xác định theo từng nguồn nhập

▪ Đối với nguyên vật liệu nhập kho do mua ngoài:

Giá thực tế NVL mua ngoài nhập kho	=	Giá mua ghi trên hóa đơn	+	Các loại thuế không hoàn lại	+	Chi phí liên quan trực tiếp	-	Các khoản chiết khấu, giảm giá (nếu có)
--	---	--------------------------------	---	------------------------------------	---	-----------------------------------	---	---

Trong đó:

- Giá mua ghi trên hóa đơn:

+ Trường hợp giá mua thực tế NVL mua vào để sử dụng cho đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá mua là giá chưa có thuế GTGT.

+ Trường hợp NVL mua vào sử dụng cho các đối tượng không chịu thuế GTGT hoặc sử dụng cho các hoạt động phúc lợi, các dự án thì giá mua là giá bao gồm cả thuế (tổng giá thanh toán).

- Các loại thuế không hoàn lại như: Thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt...

- Chi phí liên quan trực tiếp gồm: chi phí vận chuyển, bốc dỡ...đối với chi phí vận chuyển thì chi phí vận chuyển được cộng vào giá trị thực tế của nguyên vật liệu.

- Các khoản chiết khấu, giảm giá gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, chiết khấu thanh toán.

▪ Đối với nguyên vật liệu do doanh nghiệp tự gia công, chế biến:

Giá thực tế nhập kho	=	Giá NVL xuất gia công chế biến	+	Chi phí gia công chế biến
-------------------------	---	-----------------------------------	---	------------------------------

▪ Đối với nguyên vật liệu thuê ngoài gia công chế biến:

Giá thực tế nhập kho	=	Giá thực tế NVL xuất thuê ngoài gia công chế biến	+	Chi phí vận chuyển bốc dỡ	+	Chi phí thuê ngoài gia công chế biến
-------------------------	---	--	---	---------------------------------	---	--

Chi phí chế biến bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến sản phẩm sản xuất: chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định, chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chế biến NVL. Đối với NVL nhập kho do nhận góp vốn liên doanh, vốn góp cổ phần hoặc thu hồi vốn góp theo giá trị được các bên tham gia góp vốn liên doanh thống nhất đánh giá chấp nhận.

▪ **Đối với nguyên vật liệu được cấp**

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của} \\ \text{NVL được cấp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá theo biên bản} \\ \text{giao nhận} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận chuyển bốc} \\ \text{xếp bảo quản (nếu có)} \end{array}$$

▪ **Đối với nguyên vật liệu nhận góp vốn liên doanh, cổ phần**

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của} \\ \text{NVL nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thỏa thuận do} \\ \text{các bên xác định} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí tiếp nhận} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

▪ **Đối với nguyên vật liệu được tặng thưởng, biếu tặng, tài trợ**

$$\begin{array}{l} \text{Giá gốc NVL} \\ \text{được biếu} \\ \text{tặng nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị hợp lý ban} \\ \text{đầu của những NVL} \\ \text{tương đương} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí khác có} \\ \text{liên quan đến} \\ \text{việc tiếp nhận} \end{array}$$

a. Phương pháp tính giá hàng xuất kho

Nguyên vật liệu được nhập kho từ nhiều nguồn khác nhau ở nhiều thời điểm khác nhau nên có nhiều giá khác nhau. Do đó khi xuất nguyên vật liệu tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động yêu cầu trình độ quản lý và điều kiện phương tiện trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật tính toán ở từng doanh nghiệp mà lựa chọn một trong ba phương pháp sau:

- Phương pháp bình quân gia quyền
- Phương pháp nhập trước xuất trước
- Phương pháp thực tế đích danh

Nội dung cụ thể của các phương pháp

❖ **Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ**

Theo phương pháp này trị giá xuất của nguyên vật liệu bằng số lượng vật liệu xuất nhân với giá bình quân. Đơn giá bình quân có thể được xác định theo 1 trong 3 phương pháp sau:

- *Phương pháp bình quân cuối kỳ trước:*

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình quân} \\ \text{cuối kỳ trước} \end{array} = \frac{\text{Trị giá nguyên vật liệu tồn đầu kỳ}}{\text{Số lượng nguyên vật liệu tồn đầu kỳ}}$$

+ Ưu điểm: Phương pháp này cho phép giảm nhẹ khối lượng tính toán của kế toán vì giá vật liệu xuất kho tính khá đơn giản, cung cấp thông tin kịp thời về tình hình biến động của vật liệu trong kỳ.

+ Nhược điểm: Độ chính xác của việc tính giá phụ thuộc tình hình biến động giá cả vật liệu. Trường hợp giá cả thị trường nguyên vật liệu

có sự biến động lớn thì việc tính giá nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp này trở lên thiếu chính xác.

+ Phạm vi áp dụng: Thích hợp với những doanh nghiệp có nhiều danh điểm vật tư, số lần nhập, xuất của mỗi danh điểm nhiều.

- *Phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ:*

Theo phương pháp này đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của từng doanh nghiệp áp dụng mà kế toán nguyên vật liệu căn cứ vào giá mua, giá nhập, lượng hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ.

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá NVL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá NVL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng NVL nhập trong kỳ}}$$

+ Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, giảm nhẹ được việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, không phụ thuộc vào số lần nhập xuất của từng danh điểm vật tư

+ Nhược điểm: Dồn công việc tính giá nguyên vật liệu xuất kho vào cuối kỳ hạch toán nên ảnh hưởng đến tiến độ của các khâu kế toán khác.

+ Phạm vi hoạt động: Thích hợp với những doanh nghiệp có nhiều danh điểm vật tư và số lần nhập, xuất của mỗi danh điểm nhiều.

- *Phương pháp bình quân liên hoàn*

Theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập nguyên vật liệu kế toán tính đơn giá bình quân sau đó căn cứ vào đơn giá bình quân và lượng nguyên vật liệu xuất để tính giá nguyên vật liệu xuất.

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá NVL nhập kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng NVL nhập kho sau lần nhập thứ } i}$$

+ Ưu điểm: Phương pháp này cho giá NVL xuất kho chính xác, phản ánh kịp thời sự biến động giá cả, công việc tính toán được tiến hành đều đặn.

+ Nhược điểm: Công việc tính toán nhiều và phức tạp, chỉ thích hợp với những doanh nghiệp sử dụng kế toán máy.

+ Phạm vi áp dụng: Phương pháp này nên áp dụng ở những doanh nghiệp có ít danh điểm vật tư và số lần nhập của mỗi loại không nhiều.

❖ Phương pháp nhập trước xuất trước

Theo phương pháp này giá thực tế vật liệu xuất kho được tính trên cơ sở giá định vật liệu nào nhập trước thì xuất trước. Vì vậy lượng nguyên vật liệu xuất kho thuộc lần nhập nào thì theo tính giá thực tế lần nhập đó.

+ Ưu điểm: Với phương pháp này tính toán đơn giản, dễ làm và tương đối hợp lý chính xác.

+ Nhược điểm: Các chi phí phát sinh hiện hành không phù hợp với doanh thu phát sinh hiện hành. Doanh thu hiện hành có được là do chi phí NVL nói riêng và hàng tồn kho nói chung vào kho từ trước. Như vậy chi phí kinh doanh của doanh nghiệp không phản ánh kịp thời với giá cả thị trường của NVL.

+ Phạm vi áp dụng: Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hay có xu hướng giảm xuống.

❖ Phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp này vật liệu được xác định theo giá nguyên chiếc hay từng lô, khi xuất vật liệu nào sẽ tính theo giá thực tế nhập của vật liệu đó.

+ Ưu điểm: Xác định được chính xác giá của vật tư xuất, làm cho chi phí hiện tại phù hợp với doanh thu hiện tại.

+ Nhược điểm: Trong trường hợp đơn vị có nhiều mặt hàng, nhập xuất thường xuyên thì khó theo dõi, công việc của kế toán chi tiết nguyên vật liệu sẽ phức tạp.

+ Phạm vi áp dụng: Phương pháp này áp dụng cho những doanh nghiệp có chủng loại vật tư ít và nhận diện được từng lô hàng.

b. Đánh giá nguyên vật liệu theo giá hạch toán

Đối với những doanh nghiệp có nhiều loại vật tư, nghiệp vụ nhập-xuất vật liệu diễn ra thường xuyên thì việc hạch toán theo giá thực tế trở lên phức tạp, tốn nhiều công sức. Do đó việc hạch toán hằng ngày doanh nghiệp nên sử dụng giá hạch toán. Giá hạch toán là giá ổn định, doanh nghiệp có thể sử dụng giá thực tế cuối kỳ trước hoặc giá kế hoạch kỳ này để làm giá hạch toán. Cuối kỳ kế toán phải tính chuyển giá hạch toán của vật liệu xuất và tồn kho theo giá thực tế như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế vật liệu} \\ \text{xuất dùng (hoặc} \\ \text{tồn kho cuối kỳ)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá hạch toán vật liệu} \\ \text{xuất dùng (hoặc tồn} \\ \text{kho cuối kỳ)} \end{array} \times \text{Hệ số giá vật liệu}$$

Hệ số giá vật liệu có thể tính cho từng loại hay từng thứ vật liệu chủ yếu tùy thuộc vào yêu cầu và trình độ quản lý

$$\text{Hệ số giá vật liệu} = \frac{\text{Giá thực tế vật liệu tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá thực tế vật liệu nhập kho trong kỳ}}{\text{Giá hạch toán vật liệu tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá hạch toán vật liệu nhập kho trong kỳ}}$$

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Xuất phát từ vị trí yêu cầu quản lý vật liệu cũng như vai trò của kế toán trong quản lý kinh tế nói chung và quản lý doanh nghiệp nói riêng thì kế toán vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất cần thực hiện tốt những nhiệm vụ sau đây:

- Ghi chép phản ánh đầy đủ kịp thời số hiện có và tình hình luân chuyển của nguyên vật liệu về giá cả và hiện vật. Tính toán đúng đắn trị giá vốn (hoặc giá thành) thực tế của nguyên vật liệu nhập kho, xuất kho nhằm cung cấp thông tin kịp thời chính xác phục vụ cho yêu cầu lập báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp.
- Kiểm tra tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, phương pháp kỹ thuật về hạch toán nguyên vật liệu. Đồng thời hướng dẫn các bộ phận, các đơn vị trong doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các chế độ hạch toán ban đầu về nguyên vật liệu, phải hạch toán đúng chế độ, đúng phương pháp quy định để đảm bảo sự thống nhất trong công tác kế toán nguyên vật liệu.
- Kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu, từ đó phát hiện, ngăn ngừa và đề xuất những biện pháp xử lý nguyên vật liệu thừa, ứ đọng, kém hoặc mất phẩm chất, giúp cho việc hạch toán xác định chính xác số lượng và giá trị nguyên vật liệu thực tế đưa vào sản xuất sản phẩm. Phân bổ chính xác nguyên vật liệu đã tiêu hao vào đối tượng sử dụng để từ đó giúp cho việc tính giá thành được chính xác.
- Tổ chức kế toán phù hợp với phương pháp kế toán hàng tồn kho, cung cấp thông tin cho việc lập báo cáo tài chính và phân tích hoạt động kinh doanh.

1.1.4. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

Nguyên vật liệu là một trong những nhân tố cấu thành nên sản phẩm, sau quá trình sản xuất kinh doanh giá trị của nó chuyển dịch hết vào giá trị sản phẩm. Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm. Do đó nguyên vật liệu có vai trò quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh. Để đạt được mục tiêu cao nhất của doanh nghiệp là lợi nhuận thì mục tiêu trước mắt là giảm giá thành sản phẩm. Quản lý nguyên vật liệu chặt chẽ là góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu, hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận.

Kế toán là công cụ phục vụ cho việc quản lý nguyên vật liệu. Nó góp phần kiểm soát, tránh thất thoát, lãng phí nguyên vật liệu ở tất cả các khâu dự trữ, sử dụng, thu hồi... Ngoài ra còn đảm bảo cung cấp kịp thời, đồng bộ những doanh nghiệp nắm được tình hình vật tư để chỉ đạo tiến độ sản xuất. Hạch toán nguyên vật liệu phải đảm bảo chính xác, kịp thời và đầy đủ tình hình thu mua, nhập xuất dữ liệu vật liệu. Tính chính xác của hạch toán kế toán nguyên vật liệu ảnh hưởng đến tính chính xác của giá thành sản phẩm.

Vì vậy cần thiết phải tổ chức công tác hạch toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp và có làm tốt điều này mới tạo được tiền đề cho việc thực hiện mục tiêu lợi nhuận.

(Nguồn: Giáo trình kế toán tài chính)

1.2. Nội dung công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.2.1.1. Phương pháp thẻ song song

Nguyên tắc hạch toán đối với phương pháp này là ở kho, thủ kho mở thẻ kho để ghi chép về số lượng nguyên vật liệu tồn kho, tại phòng kế toán sẽ mở sổ chi tiết theo dõi cả về mặt số lượng và giá trị nhằm phản ánh tình hình hiện có và sự biến động của nguyên vật liệu.

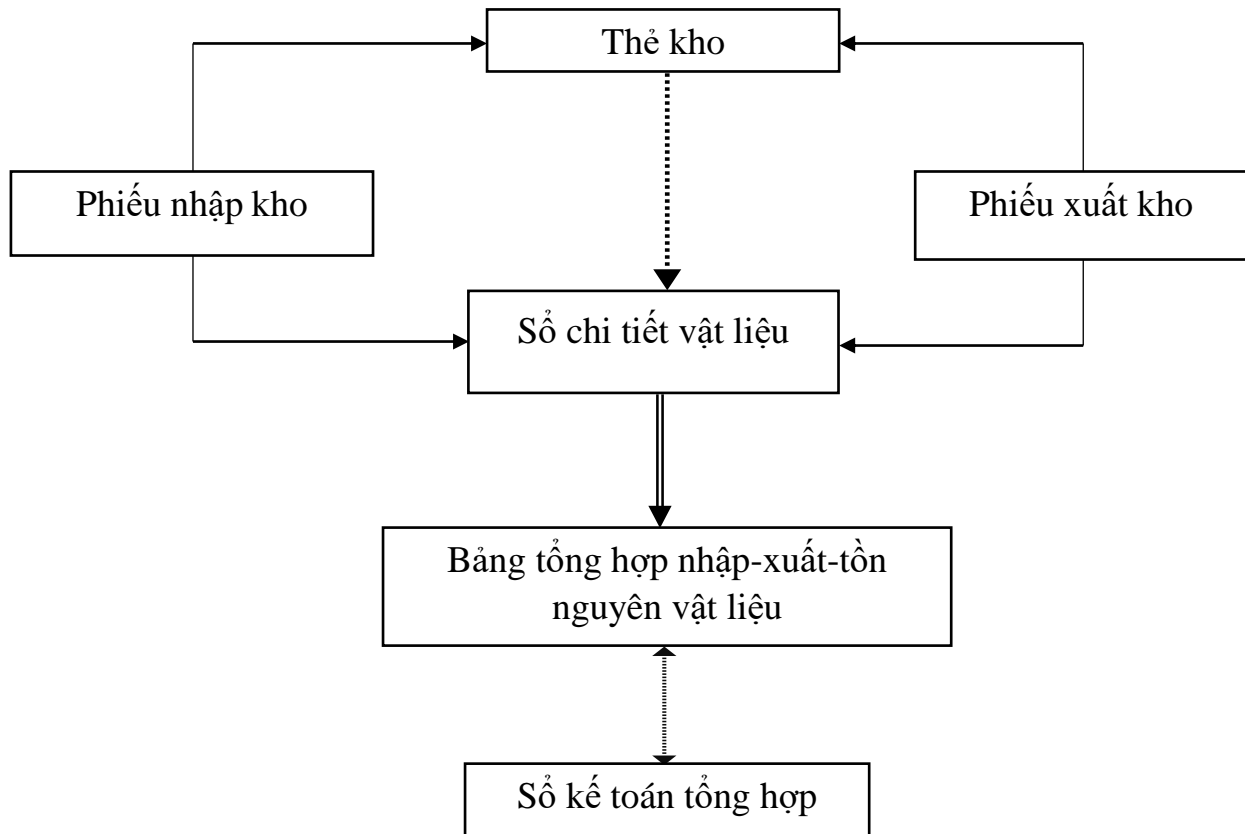
Ở kho: Hằng ngày, thủ kho căn cứ vào các phiếu nhập, phiếu xuất kho để ghi vào các thẻ kho theo số lượng, cuối ngày tính số tồn kho trên thẻ kho. Định kỳ, thủ kho gửi phiếu nhập, phiếu xuất kho cho kế toán.

Ở phòng kế toán: Hằng ngày hoặc định kỳ, căn cứ vào phiếu nhập, xuất kho do thủ kho gửi đến kế toán ghi đơn giá và tính thành tiền rồi ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu theo từng loại về số lượng, trị giá tiền. Cuối tháng, kế toán cộng sổ chi tiết nguyên vật liệu và tiến hành kiểm tra đối chiếu với thẻ kho theo số lượng. Sau đó kế toán tổng hợp số liệu ở các sổ chi tiết nguyên vật liệu

vào bảng tổng hợp nhập xuất tồn nguyên vật liệu theo từng loại, nhóm để có cơ sở đối chiếu với kế toán tổng hợp trên TK152.

- *Ưu điểm:* Ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra, dễ đối chiếu, phát hiện sai sót trong việc ghi chép. Quản lý chặt chẽ tình hình biến động về số lượng hiện có của từng vật liệu và giá trị của chúng.
 - *Nhược điểm:* Việc ghi chép giữa thủ kho và kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng, khối lượng công việc ghi chép quá lớn nếu chủng loại vật tư nhiều và tình hình nhập xuất diễn ra thường xuyên hằng ngày.
 - *Phạm vi áp dụng:* Phương pháp này phù hợp với doanh nghiệp ít chủng loại nguyên vật liệu, số lượng nghiệp vụ nhập xuất kho ít, trình độ chuyên môn của kế toán không cao. Tuy nhiên nếu trong điều kiện doanh nghiệp đã áp dụng kế toán máy thì phương pháp này vẫn áp dụng vào những doanh nghiệp có nhiều chủng loại nguyên vật liệu.
- Phương pháp này có khuynh hướng ngày càng được áp dụng rộng rãi bởi tính thuận tiện của nó cũng như việc áp dụng kế toán máy ngày càng được phổ biến trong doanh nghiệp.
- Trình tự kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song



ghi chú:

- > Ghi hằng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ◄—————> Quan hệ đối chiếu

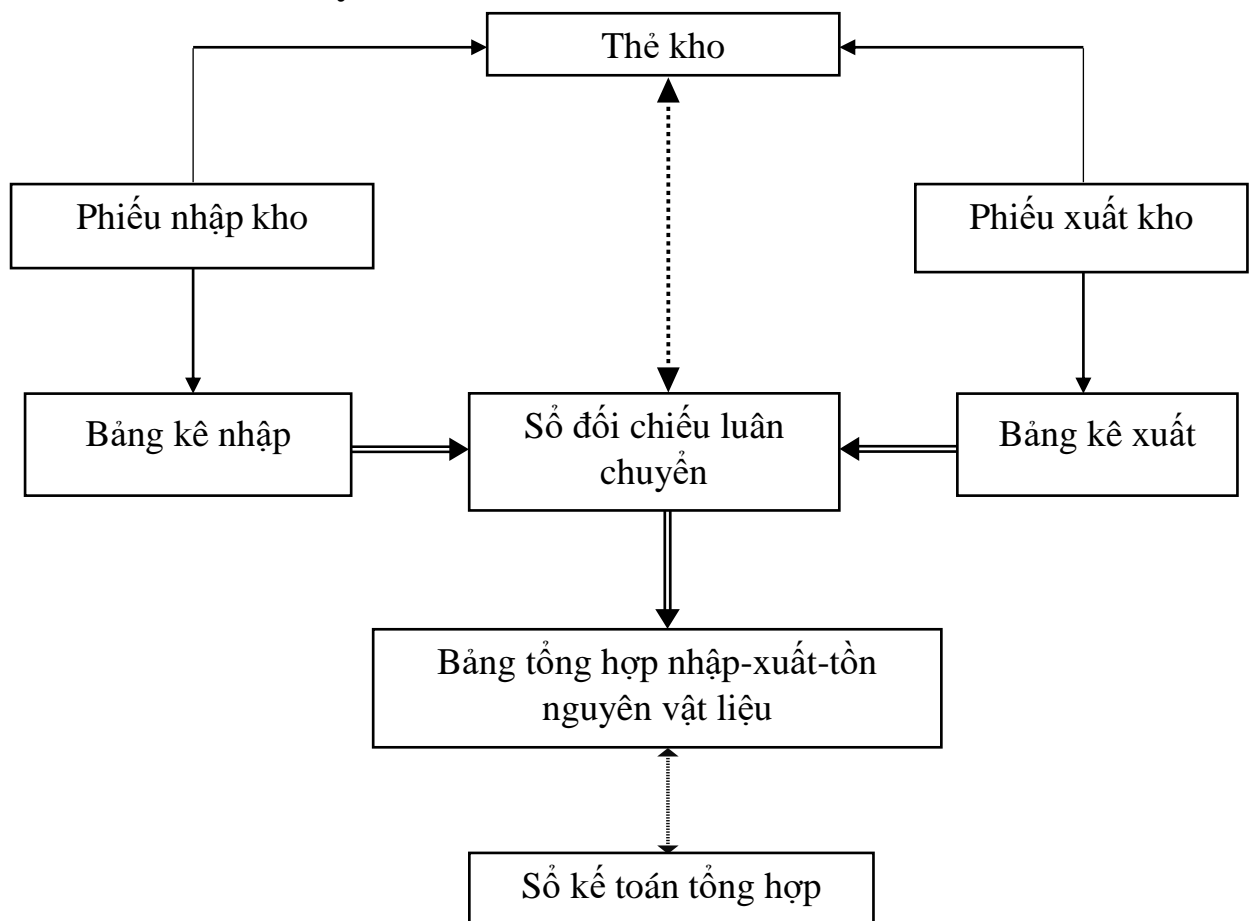
1.2.1.2. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

- *Tại kho:* Thủ kho vẫn ghi chép vào thẻ kho để theo dõi số lượng nhập-xuất-tồn kho đối với từng loại danh điểm nguyên vật liệu như phương pháp thẻ song song. Tức là, hằng ngày căn cứ vào những chứng từ nhập-xuất để ghi vào thẻ kho, sau đó chuyển giao chứng từ cho kế toán để tính trị giá nguyên vật liệu theo giá hạch toán.
- *Tại phòng kế toán:* Kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển để hạch toán số lượng và số tiền của từng danh điểm nguyên vật liệu theo từng kho. Hằng ngày, sau khi nhận được phiếu nhập, phiếu xuất kế toán ghi chi tiết vào bảng kê nhập, bảng kê xuất. Cuối tháng kế toán dựa vào bảng kê nhập, bảng kê xuất để ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển, mỗi danh điểm vật liệu chỉ ghi trên 1 dòng sổ. Sau đó tiến hành đối chiếu số

lượng trên sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và đối chiếu phần giá trị với bảng tính giá vật tư.

- *Ưu điểm:* Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi 1 lần vào cuối tháng giảm bớt khối lượng sổ sách.
- *Nhược điểm:* Việc ghi sổ còn trùng lặp, việc kiểm tra đối chiếu chỉ tiến hành vào cuối tháng hạn chế tác dụng kiểm tra trong công tác quản lý nêu thông tin về tình hình biến động của nguyên vật liệu không được cung cấp kịp thời.
- *Phạm vi áp dụng:* Phù hợp với những doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, không có điều kiện ghi chép tình hình nhập xuất hằng ngày. Phương pháp này ít được sử dụng trong thực tế.

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==→ Ghi cuối tháng
- ↔ Ghi đối chiếu

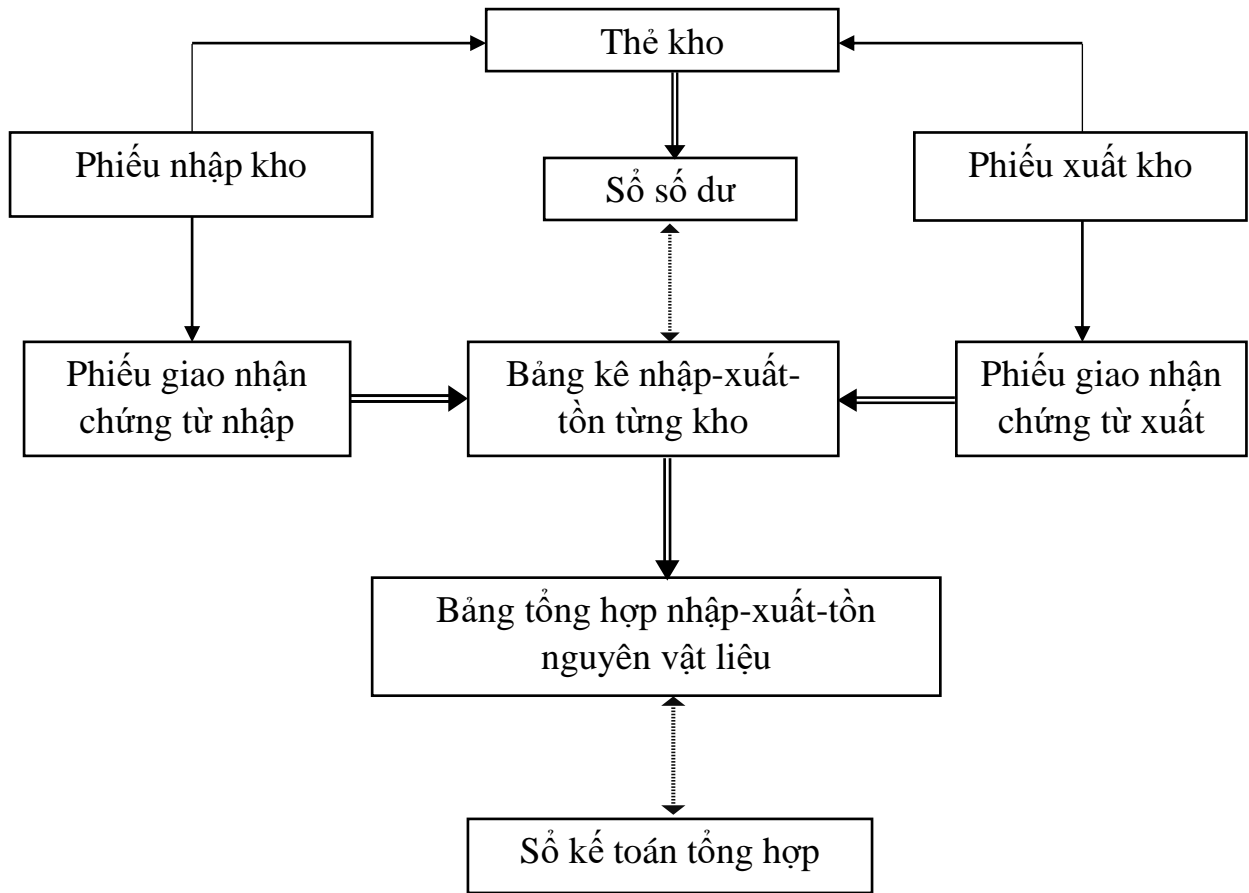
1.2.1.3. Phương pháp sổ số dư

Đặc điểm của phương pháp này là kết hợp chặt chẽ việc hạch toán nghiệp vụ của thủ kho với việc ghi chép kế toán tại phòng kế toán. Việc ghi chép của thủ kho ở kho được thực hiện trên thẻ kho được giống như phương pháp thẻ song song. Cuối tháng thủ kho căn cứ vào số lượng tồn kho của từng mặt hàng trên thẻ kho để ghi vào sổ số dư rồi chuyển cho kế toán. Sổ số dư do kế toán mở cho từng kho, sử dụng cho cả năm, cuối mỗi tháng giao cho thủ kho ghi 1 lần. Cách ghi chép này tạo điều kiện kiểm tra thường xuyên có hệ thống của kế toán đối với thủ kho đảm bảo số lượng chính xác kịp thời.

- Tại kho: Thủ kho mở thẻ kho cho từng loại nguyên vật liệu theo dõi về số lượng. Cơ sở ghi thẻ kho là các phiếu nhập xuất nguyên vật liệu trong kỳ. Sau đó thủ kho tập hợp toàn bộ chứng từ nhập xuất phát sinh trong tháng theo từng danh điểm nguyên vật liệu. Đồng thời lập phiếu giao nhận chứng từ và nộp cho kế toán kèm theo phiếu nhập xuất. Cuối tháng, thủ kho căn cứ số lượng tồn kho theo từng loại trên thẻ kho để ghi vào sổ số dư rồi chuyển cho kế toán. Sổ số dư do kế toán mở cho từng kho, sử dụng cho cả năm cuối mỗi tháng giao thủ kho ghi 1 lần.
- Tại phòng kế toán: Hằng ngày căn cứ vào các phiếu nhập xuất kho do thủ kho chuyển đến kế toán ghi vào bảng kê nhập xuất tồn của từng kho theo chỉ tiêu giá trị. Cuối tháng căn cứ vào đơn giá để ghi vào cột số tiền trên sổ số dư. Đối chiếu số liệu ở cột số tiền trên sổ số dư với số liệu ở cột tồn cuối kỳ trên bảng kê tổng hợp nhập-xuất-tồn của toàn doanh nghiệp để có cơ sở đối chiếu với kế toán tổng hợp TK152.
- Ưu điểm: Giảm bớt khối lượng công việc ghi sổ kế toán, công việc tiến hành đều đặn trong tháng, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của kế toán, kết hợp chặt chẽ giữa hạch toán ở kho và ở phòng kế toán.
- Nhược điểm: Do kế toán ghi theo chỉ tiêu giá trị nên không theo dõi được thường xuyên số hiện có và tình hình biến động của từng loại nguyên vật liệu. Muốn cập nhật thông tin kế toán phải xem ở thủ kho, đồng thời việc phát hiện sai sót, nhầm lẫn cũng gặp khó khăn.
- Phạm vi áp dụng: phương pháp này áp dụng cho doanh nghiệp nguyên vật liệu có nhiều chủng loại, các nghiệp vụ nhập xuất phát sinh thường

xuyên, doanh nghiệp đã xây dựng hệ thống đơn giá hạch toán và danh điểm vật tư, kế toán viên có trình độ cao, thủ kho có chuyên môn tốt.

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng
- ↔ Quan hệ đối chiếu

(Nguồn: Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính)

1.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp

1.2.2.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

a. Đặc điểm của phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi ghi chép và phản ánh thường xuyên liên tục, có hệ thống tình hình tăng giảm nguyên vật liệu trên sổ kế toán sau mỗi lần phát sinh nghiệp vụ nhập xuất nguyên vật liệu.

Khi áp dụng phương pháp này, kế toán sử dụng tài khoản nguyên vật liệu để phản ánh tình hình và sự biến động của vật tư. Như vậy giá trị nguyên vật liệu trên sổ kế toán có thể xác định được ở bất cứ thời điểm nào trong kỳ kế toán còn kết quả kiểm kê thực tế cuối kỳ là cơ sở để so sánh đối chiếu với số liệu trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch giữa số liệu kiểm kê thực tế và số liệu trên sổ sách, kế toán phải tìm nguyên nhân để xử lý kịp thời. Do đó, phương pháp này tạo khả năng giám sát nguyên vật liệu trong doanh nghiệp một cách liên tục. Điều này giúp các nhà quản lý lập kế hoạch trong tương lai.

Phương pháp này thích hợp với các doanh nghiệp có quy mô lớn, tiến hành đồng thời nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh.

Phương pháp này có ưu điểm là cung cấp thông tin về nguyên vật liệu một cách kịp thời, quản lý chặt chẽ, đảm bảo an toàn cho tài sản tồn kho.

Tuy nhiên phương pháp này cũng có nhược điểm là khối lượng công việc ghi chép của kế toán nhiều nên chỉ thích hợp áp dụng cho các doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư và có giá trị thấp.

b. Chứng từ sử dụng

Hệ thống chứng từ kế toán về nguyên vật liệu trong doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ được áp dụng theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ tài chính, các chứng từ kế toán chủ yếu liên quan đến kế toán nguyên vật liệu gồm:

- Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu 01GTKT3/001)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02GTTT3/001)
- Phiếu nhập kho (Mẫu 01-VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02-VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03XKNB3/001)
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa (Mẫu 03-VT)
- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Mẫu 04-VT)
- Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa (Mẫu 05-VT)
- Bảng kê mua hàng (Mẫu 06-VT)
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu (Mẫu 07-VT)

c. Tài khoản sử dụng

Khi áp dụng phương pháp này kế toán sử dụng tài khoản sau để hạch toán nguyên vật liệu:

- Tài khoản 152- Nguyên liệu, vật liệu: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng giảm của các loại nguyên vật liệu có trong kho của doanh nghiệp.
- Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản 152

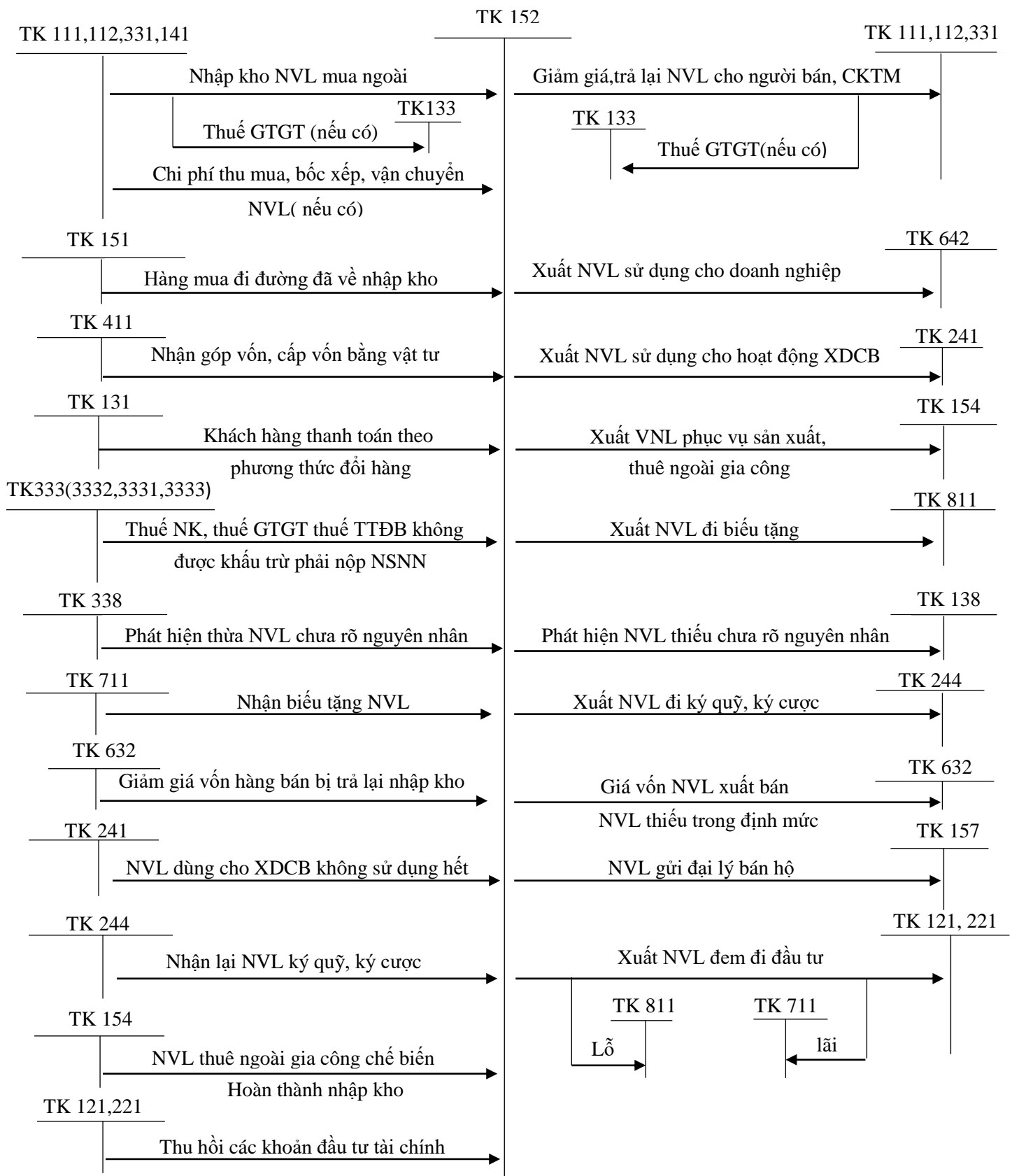
TK 152

<u>Số dư đầu kỳ</u>	
<ul style="list-style-type: none"> -Trị giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế biến, thuê ngoài gia công, nhận góp vốn hoặc từ các nguồn khác -Trị giá nguyên vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê 	<ul style="list-style-type: none"> -Trị giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho dùng cho sản xuất kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công, chế biến hoặc đưa đi góp vốn -Trị giá nguyên vật liệu trả lại cho người bán hoặc được giảm giá hàng -Chiết khấu thương mại khi mua nguyên vật liệu được hưởng -Trị giá nguyên vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm kê
<u>Số dư cuối kỳ</u>	

d. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện trong sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên theo Chế độ kế toán Doanh nghiệp nhỏ và vừa



1.2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.**a. Đặc điểm của phương pháp kiểm kê định kỳ**

Theo phương pháp này kế toán không ghi chép, phản ánh thường xuyên, liên tục tình hình biến động của hàng tồn kho. Cuối kỳ, căn cứ kết quả kiểm kê nguyên vật liệu, kế toán xác định trị giá nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ và trị giá nguyên vật liệu xuất kho trong kỳ.

Trị giá hàng xuất kho trong kỳ được tính theo công thức:

$$\text{Trị giá hàng xuất kho trong kỳ} = \text{Trị giá hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng nhập kho trong kỳ} - \text{Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ}$$

Theo phương pháp kiểm kê định kỳ, mọi biến động của nguyên vật liệu (nhập, xuất, tồn) không theo dõi phản ánh trên các tài khoản kế toán nguyên vật liệu. Giá trị của nguyên vật liệu mua vào nhập kho trong kỳ được theo dõi phản ánh trên một tài khoản kế toán riêng (Tài khoản 611-Mua hàng). Công tác kiểm kê nguyên vật liệu được tiến hành cuối mỗi kỳ kế toán để xác định giá trị nguyên vật liệu tồn kho thực tế, giá trị nguyên vật liệu xuất kho trong kỳ làm căn cứ ghi sổ kế toán của tài khoản 611-Mua hàng. Như vậy khi áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, các tài khoản kế toán nguyên vật liệu chỉ sử dụng ở đầu kỳ kế toán để kết chuyển số dư đầu kỳ và cuối kỳ kế toán để phản ánh giá trị thực tế nguyên vật liệu cuối kỳ.

- Ưu điểm: Sử dụng phương pháp này, số liệu trên sổ kế toán luôn khớp với kết quả kiểm kê, đồng thời công việc kế toán đơn giản.
- Nhược điểm: Kế toán không thể xác định được trị giá hàng tồn kho trên sổ kế toán ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ. Kế toán sẽ gặp khó khăn trong việc xác định thừa, thiếu ở khâu bảo quản ở kho hàng cũng như ở các quầy hàng.
- Phương pháp kiểm kê định kỳ thường được áp dụng cho các doanh nghiệp thương mại kinh doanh nhiều mặt hàng với nhiều chủng loại quy cách khác nhau, kinh doanh mặt hàng có giá trị nhỏ và các doanh nghiệp không thực hiện nhiều chức năng trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

a. Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 611-“Mua hàng”
 - Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá nguyên liệu, vật liệu mua vào, nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ.
 - Giá trị nguyên liệu, vật liệu mua vào phản ánh trên tài khoản 611- Mua hàng phải thực hiện theo nguyên tắc giá gốc.
- Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 611- Mua hàng

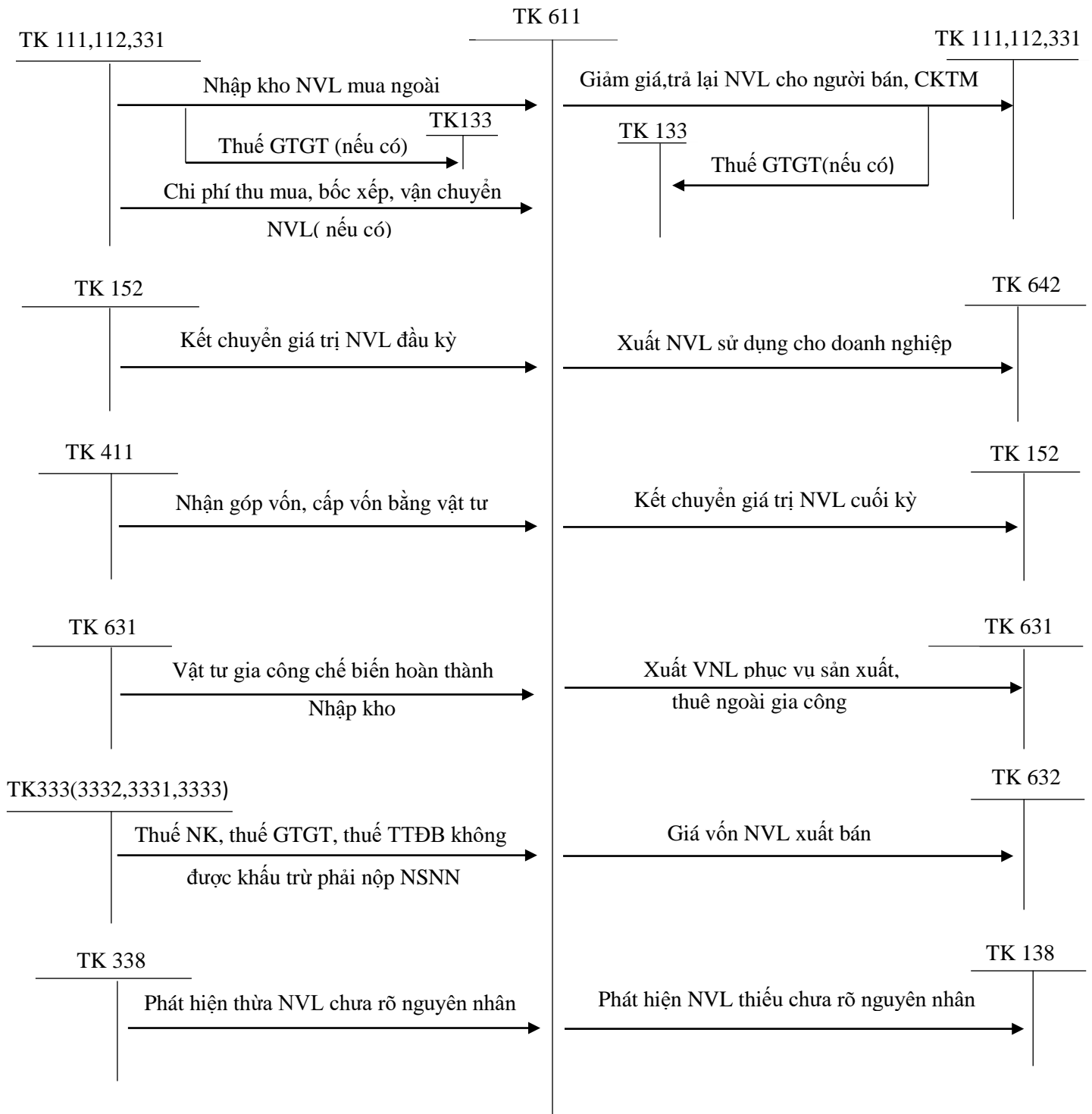
TK 611

<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá gốc nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ (theo kết quả kiểm kê) - Giá gốc nguyên vật liệu mua vào trong kỳ 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá gốc nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ (theo kết quả kiểm kê) - Giá gốc nguyên vật liệu xuất sử dụng trong kỳ - Giá gốc nguyên vật liệu mua vào trả lại cho người bán hoặc được giảm giá
---	---

b. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện trong sơ đồ sau

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ theo Chế độ kế toán Doanh nghiệp nhỏ và vừa



1.3. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Khái niệm: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất do giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm.

- Đối tượng lập dự phòng bao gồm: NVL, CCDC dùng cho sản xuất, vật tư, hàng hóa, thành phẩm tồn kho (gồm cả hàng tồn kho bị hư hỏng, kém mất phẩm chất, lạc hậu mốt, lạc hậu kỹ thuật, lỗi thời, ứ đọng, chậm luân chuyển),

sản phẩm dở dang, chi phí dịch vụ dở dang mà giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được và đảm bảo điều kiện sau:

- Có hóa đơn, chứng từ hợp pháp chứng minh giá vốn hàng tồn kho.
- Là những vật tư hàng hóa thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp tồn kho tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Nguyên vật liệu sản xuất hàng hoá mà hàng hoá này không bị giảm giá thì không trích lập dự phòng cho nguyên vật liệu này.

➤ Phương pháp lập dự phòng:

$$\text{Mức dự phòng giảm giá vật tư hàng hóa} = \left(\begin{array}{l} \text{Giá gốc hàng} \\ \text{tồn kho theo sổ} \\ \text{kế toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị thuần có} \\ \text{thể thực hiện} \\ \text{được của hàng} \\ \text{tồn kho} \end{array} \right) \times \begin{array}{l} \text{Lượng vật tư} \\ \text{hàng hóa thực tế} \\ \text{tồn kho tại thời} \\ \text{điểm lập báo cáo} \\ \text{tài chính} \end{array}$$

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 02 - Hàng tồn kho ban hành kèm theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho (giá trị dự kiến thu hồi) là giá bán (ước tính) của hàng tồn kho trừ (-) chi phí để hoàn thành sản phẩm và chi phí tiêu thụ (ước tính).

Mức lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính cho từng loại hàng tồn kho bị giảm giá và tổng hợp toàn bộ vào bảng kê chi tiết. Bảng kê là căn cứ để hạch toán vào giá vốn hàng bán (giá thành toàn bộ sản phẩm hàng hóa tiêu thụ trong kỳ) của doanh nghiệp. Riêng dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

- Tài khoản sử dụng: TK 159 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho” Dùng để theo dõi tình hình trích lập và sử dụng dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- *Kết cấu:*

Bên nợ: Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Bên có: Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Số dư có: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện còn

- Phương pháp hạch toán:

* *Xử lý dự phòng*: Vào giá vốn hàng bán.

Cuối kỳ kế toán năm khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK: 159 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ kế toán năm tiếp theo nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì phải trích lập thêm phần chênh lệch và ghi tăng giá vốn hàng bán (Thông tư 228/2009/TT-BTC).

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Nếu số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì phải hoàn nhập phần chênh lệch và ghi giảm giá vốn hàng bán (Thông tư 228/2009/TT-BTC)

Nợ TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632: Giá vốn hàng bán

1.4. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán vào công tác kế toán nguyên vật liệu trong Doanh nghiệp.

Để tiến hành ghi chép sổ sách và xác định giá trị vật liệu nhập-xuất-tồn của nguyên vật liệu kế toán tại doanh nghiệp có thể áp dụng một trong các hình thức kế toán sau:

- Hình thức Sổ kế toán Nhật ký chung
- Hình thức Sổ kế toán Nhật ký-Sổ cái
- Hình thức Sổ kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán trên Máy vi tính

1.4.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

Sổ Nhật ký chung là sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên chứng từ kế toán theo trình tự thời gian. Ngoài ra, trên sổ Nhật ký chung còn phản ánh quan hệ đối ứng tài khoản để phục vụ cho việc ghi Sổ cái. Số liệu trên sổ Nhật ký chung được dùng làm căn cứ để ghi vào sổ Cái.

Hình thức ghi sổ Nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ Cái

- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Hằng ngày, căn cứ vào những chứng từ đã kiểm tra đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ và hợp lý được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh sẽ được ghi vào các sổ, thẻ kế toán liên quan.

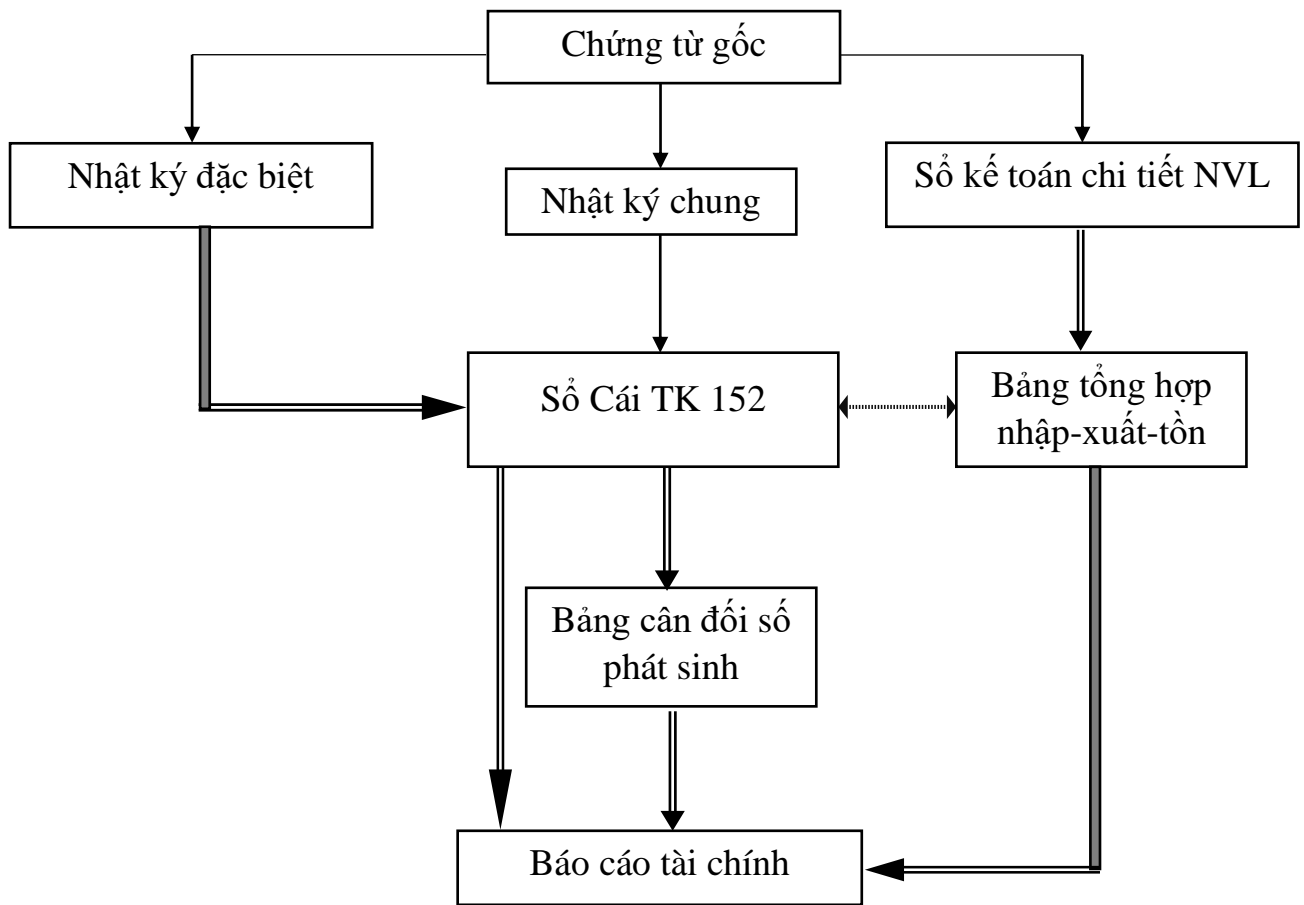
Đối với các đối tượng phát sinh nhiều, nhằm giảm nhẹ công việc ghi sổ Cái, đơn vị sử dụng các sổ Nhật ký đặc biệt, khi đó hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ hoặc cuối tháng, tùy thuộc vào lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên sổ Cái. Sổ Nhật ký đặc biệt là một dạng của sổ Nhật ký chung nên một nghiệp vụ đã ghi vào sổ Nhật ký chung thì không được phép ghi vào sổ Nhật ký đặc biệt và ngược lại.

- Ưu điểm: Mẫu sổ đơn giản, dễ thực hiện, thuận tiện cho việc phân công lao động. Có thể thực hiện đối chiếu kiểm tra về số liệu kế toán cho từng đối tượng kế toán ở mọi thời điểm, kịp thời thông tin cho nhà quản lý.

- Nhược điểm: Lượng ghi chép sổ sách tương đối nhiều.

- Phạm vi áp dụng: Áp dụng cho mọi loại hình doanh nghiệp: sản xuất, xây dựng, thương mại, dịch vụ có quy mô vừa và nhỏ

Đây là hình thức được đa số các doanh nghiệp áp dụng trong việc hạch toán các nghiệp vụ phát sinh.

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng
- ↔ Quan hệ đối chiếu

1.4.2. Hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái

Đặc điểm ghi sổ đặc trưng theo hình thức Nhật ký-sổ cái là việc kết hợp việc ghi sổ theo thời gian và theo hệ thống trên một quyển sổ tổng hợp duy nhất gọi là sổ Nhật ký-Sổ cái.

Căn cứ để ghi Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ cùng loại. Sổ này gồm 2 phần:

- Phần Nhật ký: là phần dùng để phản ánh các nghiệp vụ phát sinh theo trình tự thời gian. Phần Nhật ký bao gồm các cột “ngày tháng ghi sổ”, cột “chứng từ”, cột “diễn giải”, cột “tài khoản đối ứng”, cột “số phát sinh”.

- **Phần Sổ cái** : Phản ánh theo 2 bên Nợ, Có của tài khoản. Toàn bộ các tài khoản mà doanh nghiệp sử dụng được mở trên 1 hoặc vài trang sổ. Phần này dùng để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo nội dung kinh tế (theo đối tượng).

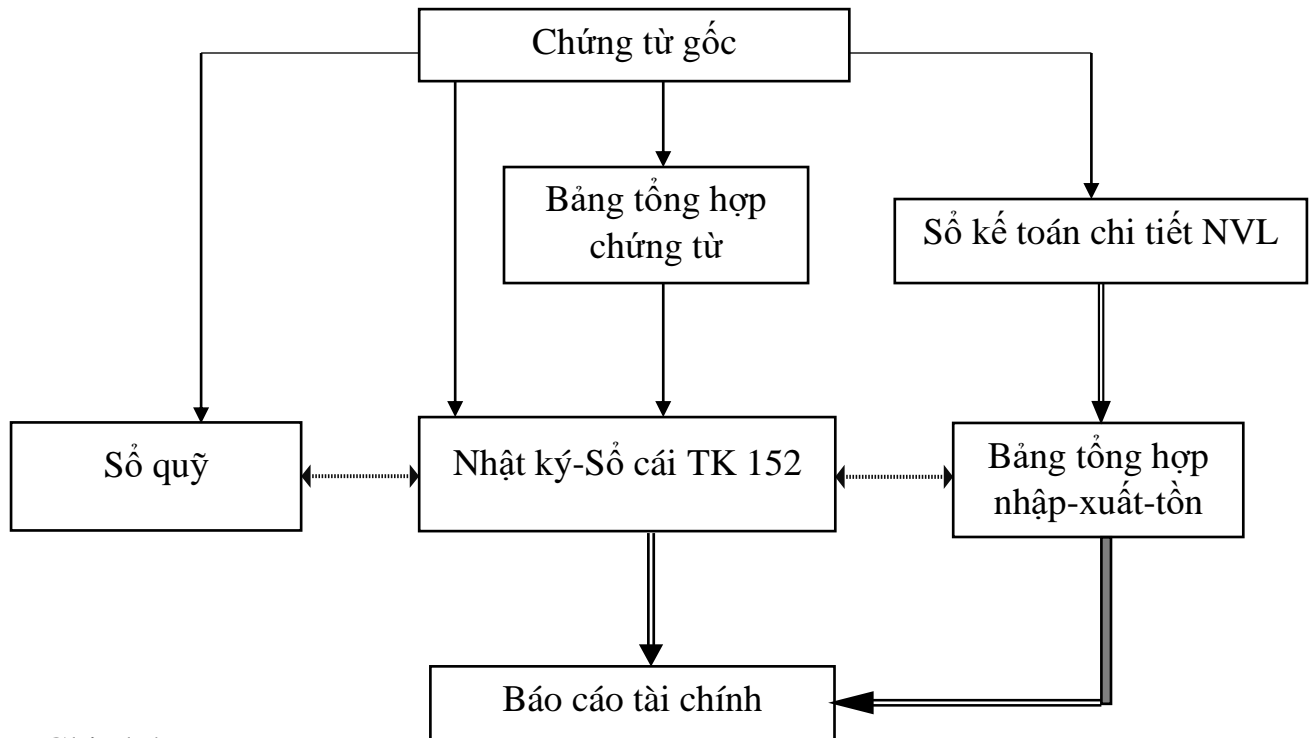
Hệ thống sổ Nhật ký-Sổ cái bao gồm các sổ sau:

- Sổ Nhật ký-sổ cái
- Sổ, thẻ kế toán chi tiết

Hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ của chứng từ kế toán và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Nhật ký-Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại được ghi trên 1 dòng ở cả 2 phần “Nhật ký” và “Sổ Cái”. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại, có cùng nội dung kinh tế như Phiếu thu, Phiếu chi, Phiếu xuất, Phiếu nhập,... phát sinh nhiều lần trong 1 ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày. Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Nhật ký-Sổ cái, được dùng để ghi vào Sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan như Sổ chi tiết vật tư, Sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán,...

- **Ưu điểm**: Hạch toán theo hệ thống sổ Nhật ký-Sổ cái rất đơn giản, số liệu kế toán tập trung, tiết kiệm thời gian ghi sổ.
- **Nhược điểm**: Hình thức sổ có hạn chế lớn là ghi trùng lặp trên cùng 1 dòng ghi, khuôn sổ công kênh, khó bảo quản trong niên độ, số lượng sổ tổng hợp chỉ có 1 quyển nên khó phân công lao động kế toán cho mục đích kiểm toán nội bộ.
- **Phạm vi áp dụng**: Áp dụng trong các doanh nghiệp có ít tài khoản sử dụng, ít lao động kế toán, khối lượng nghiệp vụ phát sinh không nhiều.

Trình tự ghi sổ được khái quát trong sơ đồ sau

Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng
- ↔ Quan hệ đối chiếu

Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ vào Nhật ký-Sổ cái vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng Nhật ký-Sổ cái, tính ra số phát sinh trong kỳ và số dư cuối kỳ của từng tài khoản.

Nguyên tắc cân đối, đối chiếu giữa phần Nhật ký và phần Sổ cái:

Tổng số tiền ở = **Tổng số phát sinh Nợ ở tất** = **Tổng số phát sinh Có ở tất**
phần Nhật ký **cả các TK ở phần sổ cái** **cả các TK ở phần Sổ cái**

Tổng số dư Nợ cuối kỳ của các TK = Tổng số dư Có cuối kỳ của các TK

1.4.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Chứng từ ghi sổ là căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp, theo thời gian và đối tượng. Về sổ sách kế toán tổng hợp sử dụng bao gồm:

+ Chứng từ ghi sổ: Được lập trên cơ sở chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp chứng từ gốc cùng loại có cùng nội dung kinh tế. Chứng từ ghi sổ được lập hàng ngày hoặc định kỳ (3 đến 5 ngày). Chứng từ ghi sổ được lập tại mỗi bộ phận kế toán phân hành. Số lượng chứng từ ghi sổ phải lập tùy

thuộc vào cách quản lý, kế toán mỗi đối tượng. Chứng từ ghi sổ phải có chứng từ gốc đi kèm và phải được kế toán trưởng duyệt thì mới đủ căn cứ để ghi sổ kế toán.

+ Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ: là sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian. Sổ này vừa dùng để đăng ký các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, quản lý chứng từ ghi sổ, kiểm tra đối chiếu số liệu với bảng cân đối số phát sinh.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm phải cộng tổng số tiền trên sổ này để đối chiếu số liệu với bảng cân đối số phát sinh và đảm bảo quan hệ cân đối.

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số tiền} \\ \text{trên sổ đăng} \\ \text{ký chứng từ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng phát sinh Nợ} \\ \text{(tổng PS Có) của tất} \\ \text{cả các TK trên Sổ cái} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng phát sinh Nợ (tổng} \\ \text{PS Có) của tất cả các TK} \\ \text{trên bảng cân đối SPS} \end{array}$$

Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ do kế toán tổng hợp ghi trên cơ sở các chứng từ ghi sổ do các kế toán phân hành chuyển đến.

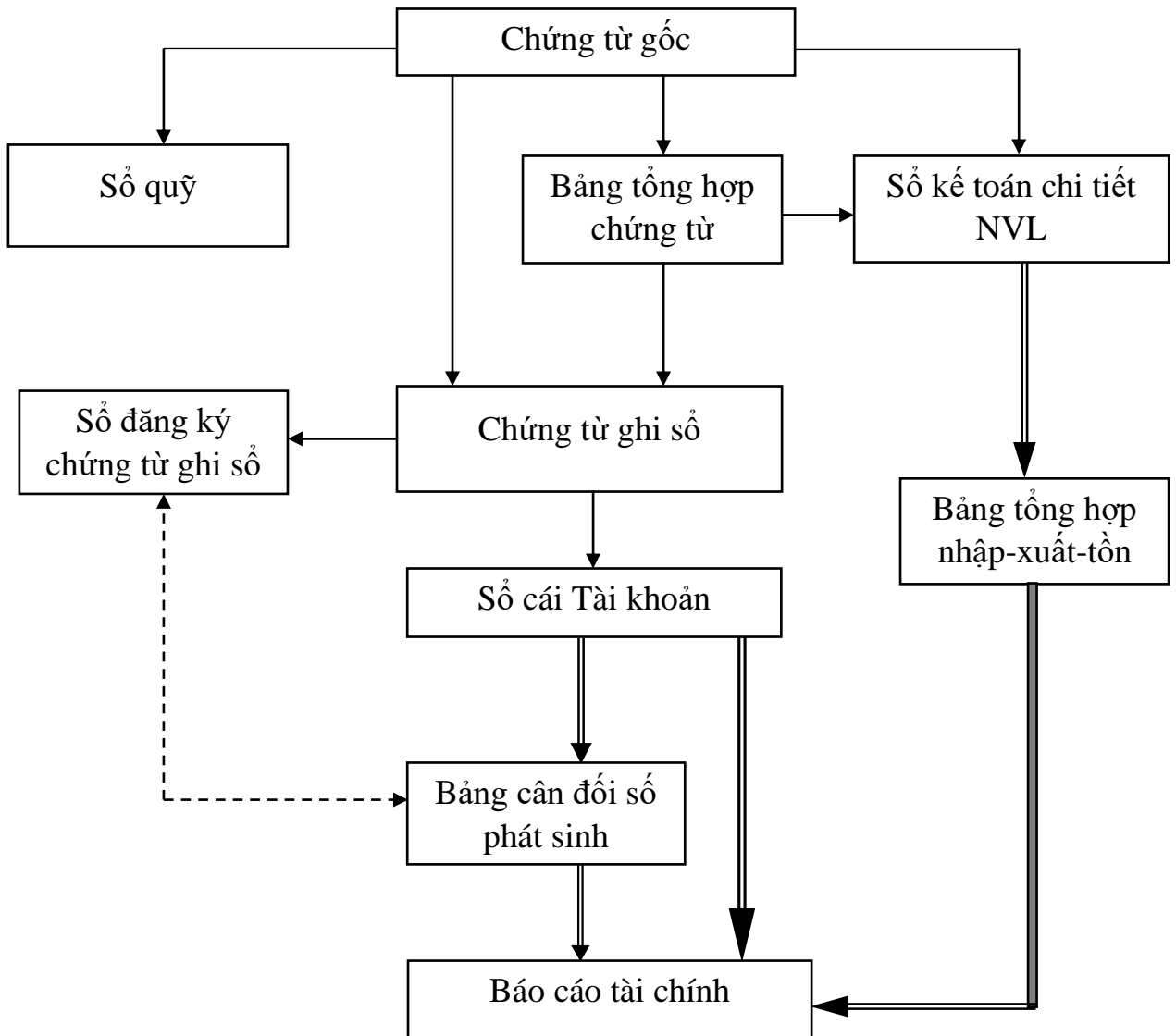
+ Sổ cái: là sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo tài khoản kế toán đã được quy định trong chế độ tài khoản kế toán áp dụng tại Doanh nghiệp.

Số liệu trên Sổ cái dùng để đối chiếu với số liệu trên sổ đăng ký chứng từ, đối chiếu số liệu với bộ phận kế toán chi tiết và là căn cứ để lập báo cáo kế toán. Sổ cái do kế toán tổng hợp ghi trên cơ sở các chứng từ ghi sổ đã được ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Sổ cái theo hình thức này có hai dạng: dạng nhiều cột và dạng ít cột.

+ Sổ thẻ kế toán chi tiết.

- Ưu điểm: Ghi chép đơn giản, kết cấu sổ để ghi thống nhất các thiết kế sổ Nhật ký và Sổ cái, số liệu kế toán dễ đối chiếu, dễ kiểm tra
- Nhược điểm: Ghi chép trùng lặp của các hình thức sổ kế toán ra đời được sử dụng trước nó.
- Phạm vi áp dụng: Áp dụng với mọi loại hình Doanh nghiệp.

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

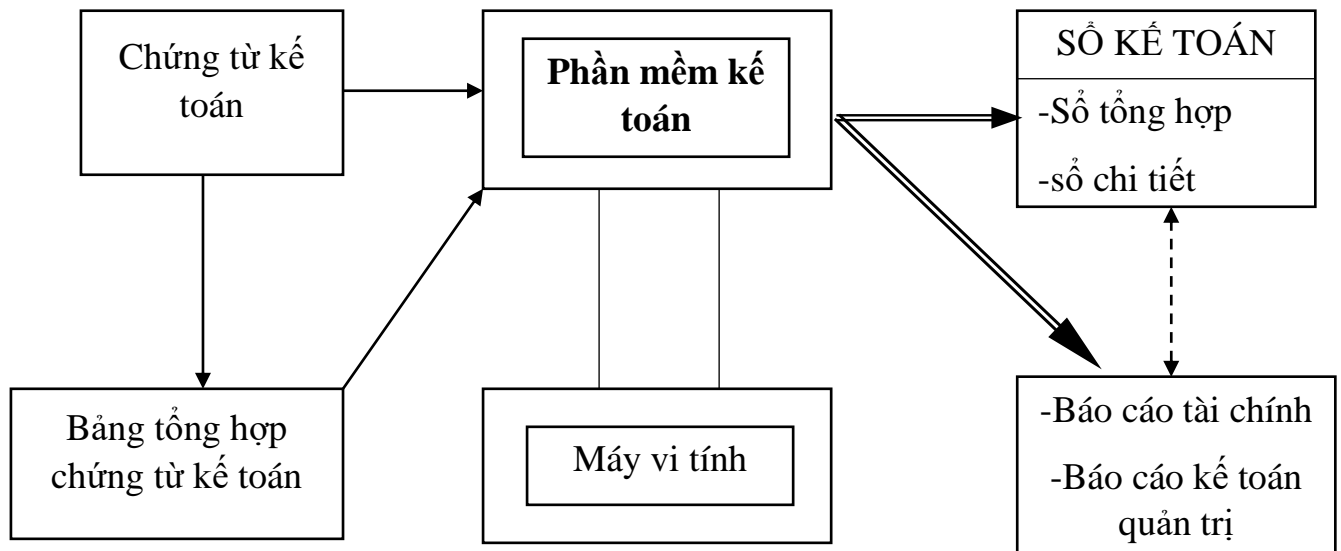
- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Quan hệ đối chiếu

1.4.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy là công việc kế toán được thực hiện theo 1 chu trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy: Phần mềm kế toán thiết kế theo hình thức kế toán nào thì sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ bằng tay.

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Máy



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ◄-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra.

(Nguồn: Chế độ kế toán Doanh nghiệp nhỏ và vừa)

**CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT
LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH NAM QUÂN****2.1. Khái quát về công ty****2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty**

Cùng với sự phát triển của Khoa học Công nghệ, nhu cầu của xã hội ngày càng nâng cao. Nhằm đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế Quốc dân và nhận thấy nhiều tiềm năng, sự cần thiết cũng như cơ hội để phát triển ngành in, sản xuất bao bì nên Công ty TNHH Nam Quân đã được thành lập. Qua nhiều năm hoạt động công ty ngày càng mở rộng quy mô sản xuất và phạm vi hoạt động, không chỉ phát triển ở An Dương mà còn phát triển sang cả Thủy Nguyên...

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 13/1999/HQ10 ngày 12/06/1999, Nghị Định số 02/2000/NĐ-CB ngày 03/02/2000 của Chính Phủ về đăng ký kinh doanh, ngày 18/07/2000 Công ty TNHH Nam Quân đã được thành lập.

- Tên công ty : CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN NAM QUÂN
- Tên Tiếng Anh : NAM QUAN COMPANY LIMITED
- Tên viết tắt : NAM QUAN CO.,LTD
- Địa chỉ trụ sở chính: Đường 208, Xã An Đồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- Tên chủ sở hữu :Lê Thanh Hương
- địa chỉ: Số 352 Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
- Người đại diện theo pháp luật của công ty:
 - + Chức danh: Giám Đốc
 - + Họ và tên: LÊ THANH HƯƠNG
 - + Sinh ngày :26/10/1971
 - + Địa chỉ : số 352 Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân , thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
- Vốn điều lệ của công ty: 1.250.000.000 đồng Việt Nam. Có con dấu riêng hạch toán độc lập để giao dịch mang tên Công ty TNHH Nam Quân.
- Mã số thuế doanh nghiệp là : 0200.430.761

Trong thời gian đầu hoạt động, công ty TNHH Nam Quân có quy mô hoạt động nhỏ, đội ngũ công nhân ít, cơ sở trang thiết bị còn thiếu thốn. Qua 14

năm hoạt động đến nay, công ty TNHH Nam Quân đã có những bước phát triển đáng kể.

- cơ sở vật chất trang thiết bị so với trước nhiều và tiên tiến hơn:

+ Năm 2009 mua máy in offset Mitsubishi Daiya

+ Năm 2011 xây nhà xưởng

+ Năm 2014 mua máy bế hộp, máy phủ UV, tổ phát điện 12KW, tổ phát điện 15 KW.

Với những thay đổi trên, thêm vào đó là cung cách làm việc của công ty đã cho ra đời những sản phẩm đạt tiêu chuẩn và đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng. Từ đó công ty đã chủ động trong việc ký kết hợp đồng, đảm bảo chất lượng, thời gian, giá cả hợp lý nên đã thu hút được nhiều khách hàng trong nước. Sản phẩm của công ty đã đem đi tiêu thụ ở nhiều thị trường trong nước như : Hà Nội, Hải Dương, Quảng Ninh, Thanh Hóa,...

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty

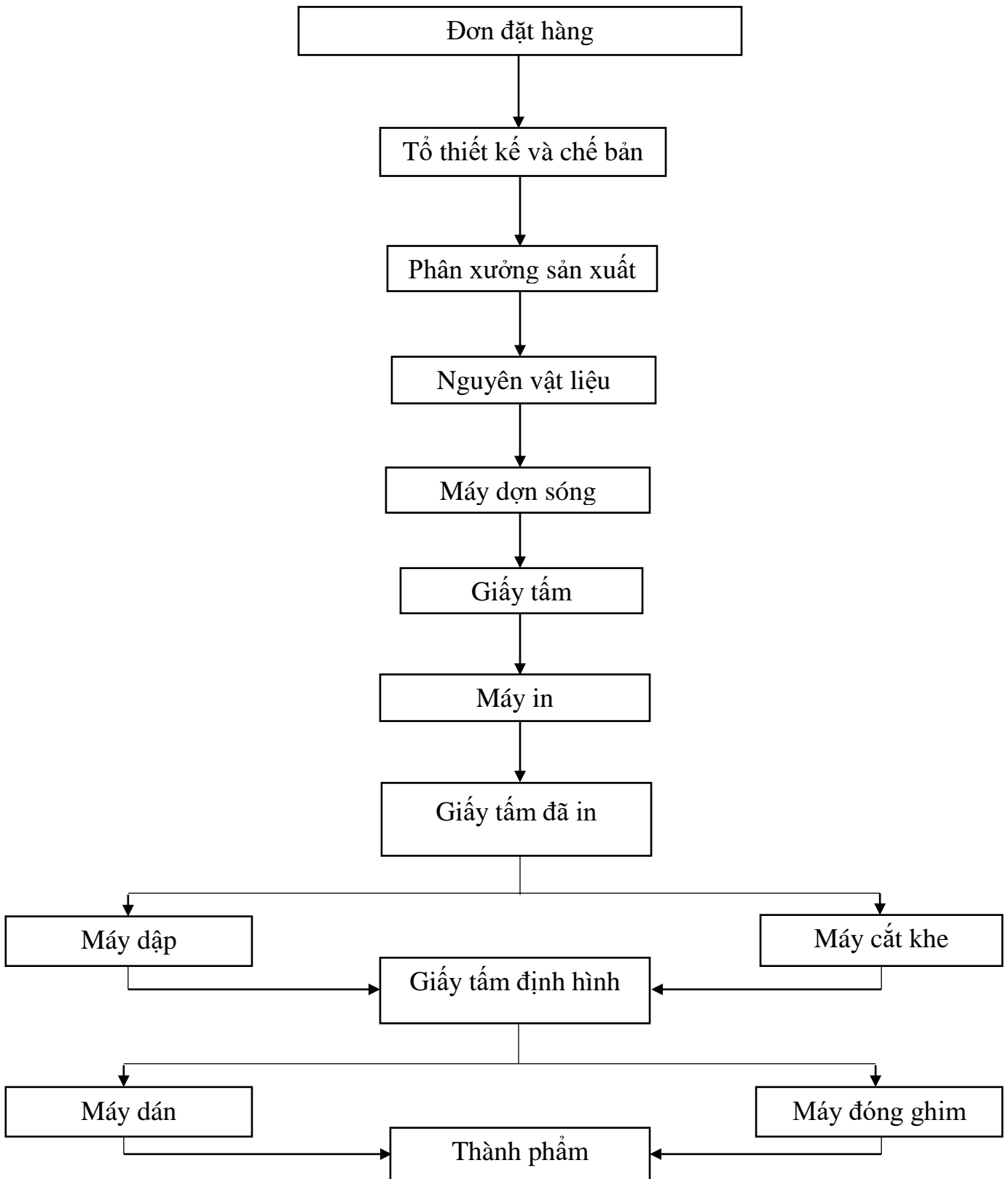
- ***Ngành nghề sản xuất kinh doanh***

- In ấn, dịch vụ liên quan đến in
- Sản xuất bao bì bằng gỗ
- Sản xuất bao bì từ plastic
- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa
- Sửa chữa máy móc, thiết bị
- Bán buôn, bán lẻ máy móc, thiết bị, công cụ, dụng cụ in
- Bán buôn, bán lẻ máy móc, thiết bị, công cụ, dụng cụ sản xuất bao bì
- Bán buôn, bán lẻ nguyên vật liệu in, bao bì, mực in, giấy phê liệu
- Bán buôn văn phòng phẩm....

- ***Ngành nghề chính chủ yếu của công ty***

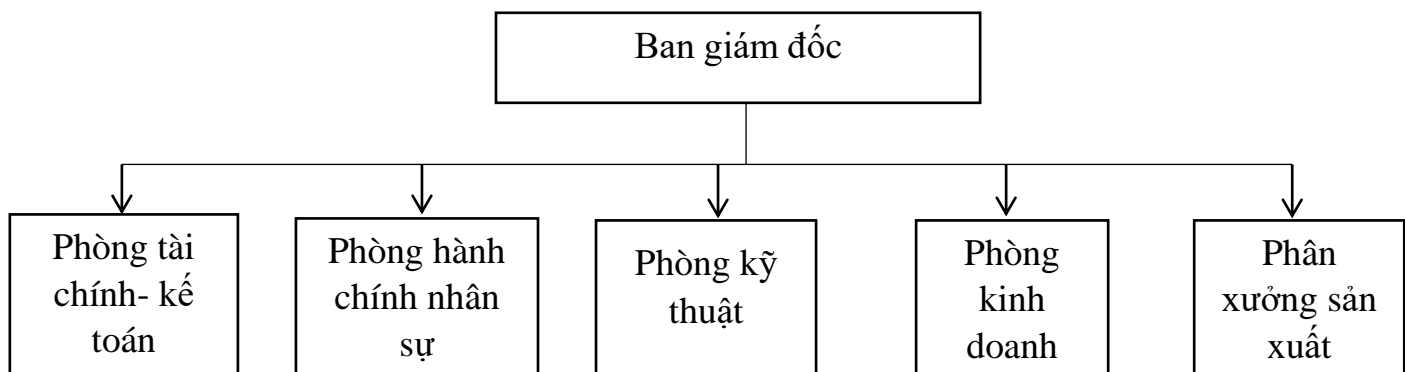
- In ấn, dịch vụ liên quan đến in
- Sản xuất bao bì, hộp giấy các loại, giấy nhãn, bìa nhãn, ...

- ***Quy trình sản xuất của công ty***

Sơ đồ 2.1: Quy trình in và sản xuất bao bì tại công ty

***Quy trình sản xuất hộp của công ty:**

- Sau khi có đơn đặt hàng của khách hàng, tổ thiết kế và chế bản sẽ thiết kế ra đúng khuôn mẫu mà khách hàng yêu cầu, sau đó chuyển mẫu thiết kế đó xuống cho phân xưởng để tiến hành sản xuất.
- Phân xưởng sau khi nhận được mẫu thiết kế, xuất nguyên vật liệu cần thiết để sản xuất.
- Nguyên vật liệu để sản xuất chính là giấy sẽ cho vào máy dợn sóng để ép thành giấy tấm.
- Giấy tấm sẽ được cho vào máy in để in đúng theo khuôn mẫu đã được thiết kế trước để tạo thành giấy tấm đã in.
- Giấy tấm đã được in sẽ được đưa vào máy dập và máy cắt khe để tạo thành từng tấm bì hoàn thiện.
- Những tấm bì hoàn thiện sẽ được đưa vào máy đóng ghim và máy dán để tạo thành những hộp, bao bì hoàn chỉnh.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty**Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty****Chức năng của từng phòng ban**

- **Ban giám đốc công ty:** Người lãnh đạo cao nhất, lập ra các định hướng phát triển của công ty, đồng thời giám sát bộ máy quản lý, các hoạt động kinh doanh, chính sách nhân sự, tài chính của công ty.
- **Phòng Tài chính – Kế toán:** chịu trách nhiệm về các mặt liên quan đến mặt tài chính trước ban giám đốc. Hạch toán toàn bộ quá trình sản xuất kinh doanh của công ty, làm báo cáo, định kỳ gửi báo cáo lên ban giám đốc, đồng thời lưu trữ toàn bộ chứng từ sổ sách liên quan đến nghiệp vụ kinh tế phát sinh của công ty.

- **Phòng kỹ thuật:** Chịu trách nhiệm về phân xây dựng kế hoạch đầu tư, chịu trách nhiệm về công tác kỹ thuật, công nghệ, định mức và chất lượng sản phẩm.
- **Phòng hành chính- nhân sự :** Giải quyết các thủ tục nội bộ công ty, lên kế hoạch và thực hiện tuyển dụng nguồn nhân lực cho công ty, trợ giúp lãnh đạo trong việc đánh giá nhân sự , quan hệ lao động, phân công nhân sự.
- **Phòng kinh doanh:** chịu trách nhiệm về phân tích khách hàng, thị trường tiêu thụ, các đối thủ cạnh tranh trong khu vực. Lập kế hoạch Marketing, kế hoạch mua hàng, bán hàng của công ty.
- **Phân xưởng sản xuất:** chịu trách nhiệm sản xuất ra sản phẩm của công ty.

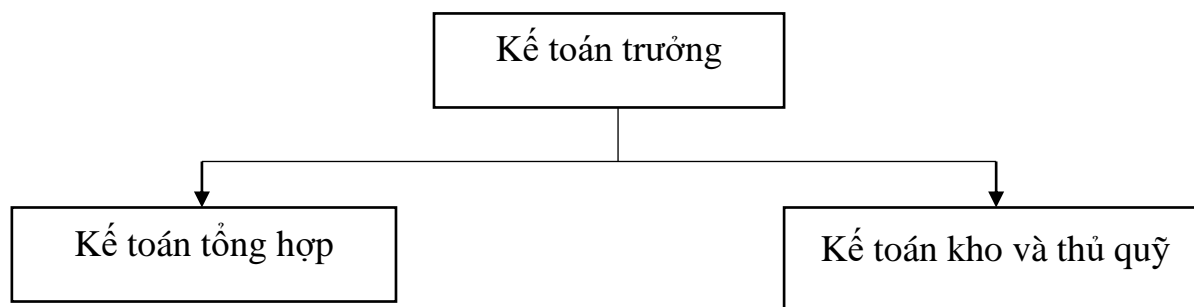
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Công ty TNHH Nam Quân là doanh nghiệp sản xuất có quy mô nhỏ, phạm vi sản xuất kinh doanh tập trung trên một địa bàn nhất định, đảm bảo việc luân chuyển chứng từ nhanh chóng, thuận tiện, kịp thời nên công ty tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung. Với bộ máy kế toán gọn nhẹ nên việc phân công công việc cũng dễ dàng.

- Bộ máy kế toán có nhiệm vụ thông kê phù hợp với tình hình hoạt động của công ty theo yêu cầu của từng giai đoạn, phù hợp với chủ trương, chiến lược phát triển chung của công ty. Tổ chức cải thiện và hoàn thiện chế độ hạch toán kế toán thống kê theo mẫu biểu thống nhất, đảm bảo việc ghi chép, tính toán số liệu chính xác, trung thực, kịp thời và đầy đủ toàn bộ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
- Tổ chức chỉ đạo việc kiểm kê, đánh giá chính xác tài sản cố định, công cụ dụng cụ, tiền mặt, thành phẩm, hàng hóa, từ kết quả kiểm kê, đánh giá tình hình sử dụng và quản lý vốn cũng như phát hiện kịp thời các trường hợp làm sai nguyên tắc quản lý tài chính kế toán hoặc làm mất mát, gây hư hỏng, thiệt hại, đề ra các biện pháp xử lý và quản lý phù hợp.
- Kiểm tra, kiểm soát, giám sát việc chấp hành các qui định, thể lệ, chính sách liên quan đến công tác tài chính kế toán do công ty qui định, nhằm ngăn ngừa và xử lý kịp thời các vụ việc làm sai.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức như sau:

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty*** Nhiệm vụ của từng kế toán:**

- **Kế toán trưởng:** Là người lãnh đạo cao nhất của phòng, chịu trách nhiệm trước Giám đốc công ty về tất cả hoạt động của phòng do mình phụ trách. Kế toán trưởng có trách nhiệm quản lý chung, trông coi (kiểm soát) mọi hoạt động có liên quan đến lĩnh vực tài chính, kế toán. Phải nắm được toàn bộ tình hình tài chính của công ty để tham mưu cho giám đốc ra các quyết định về chính sách và kế hoạch tài chính của công ty. Hằng tháng, quý, năm có trách nhiệm sơ kết, tổng kết toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tình hình tài chính của công ty để báo cáo cho ban Giám đốc.

- **Kế toán tổng hợp:** + Chịu trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu các tài liệu, số liệu do bộ phận kế toán khác chuyển sang, từ đó lập bút toán kết chuyển lúc cuối kỳ. Lập báo tài chính.

+ Hạch toán các nghiệp vụ, chứng từ liên quan tới thuế, hàng tháng lập báo cáo thuế, theo dõi tình hình nộp ngân sách.

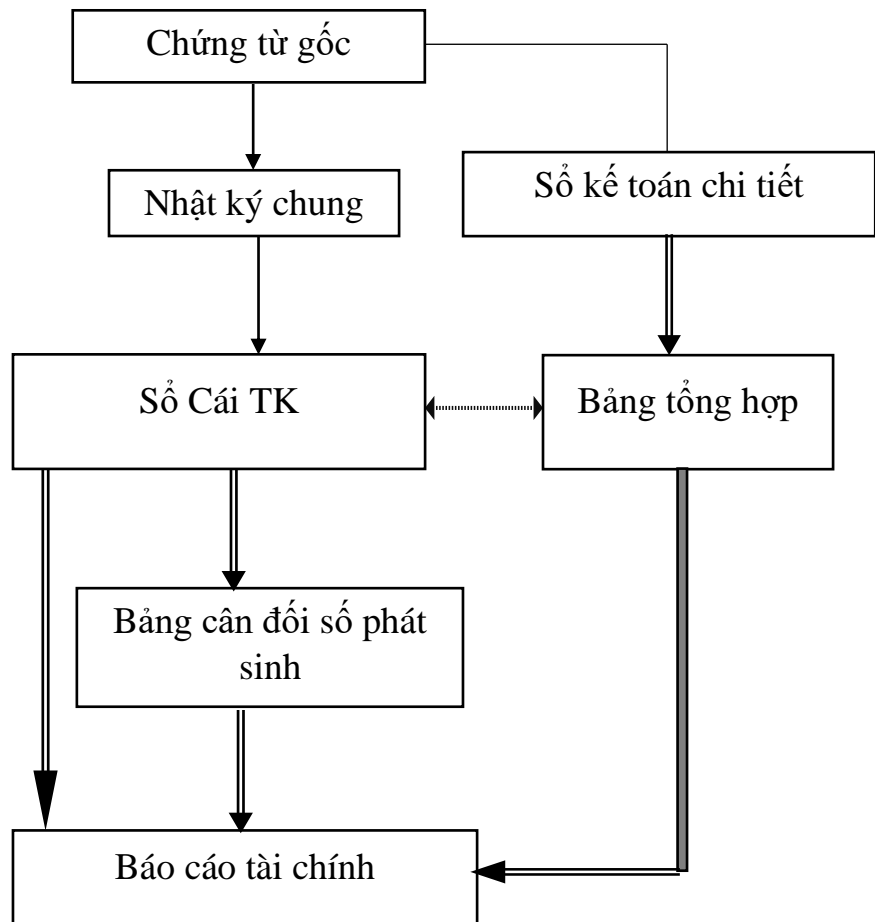
+ Chịu trách nhiệm thực hiện các nghiệp vụ mua, bán hàng phát sinh tại công ty, làm báo giá, hợp đồng, đốc thúc công nợ, cập nhật giá cả, sản phẩm mới, quản lý sổ sách, chứng từ liên quan đến bán hàng của công ty.

- **Kế toán kho và thủ quỹ:** Có trách nhiệm quản lý thống kê, theo dõi kho nhập, xuất, tồn. Kiểm tra, đối chiếu từng chủng loại hàng hóa, vật tư. Hàng tháng tiến hành lập báo cáo nhập, xuất, tồn. Quản lý quỹ, thu chi tiền mặt, kiểm kê, kiểm tra sổ quỹ tồn quỹ tiền và phản ánh chính xác kịp thời, đầy đủ số liệu hiện có, tình hình biến động vốn bằng tiền trong công ty.

2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại công ty

- Chế độ kế toán đang áp dụng: Công ty áp dụng theo chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ban hành ngày

- 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi bổ sung hướng dẫn thực hiện kèm theo.
- Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch.
 - Công ty hạch toán theo năm.
 - Đơn vị tiền tệ sử dụng trong hạch toán kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ)
 - Phương pháp tính thuế Giá trị gia tăng: Công ty tính thuế Giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
 - Phương pháp khấu hao TSCĐ đang áp dụng: theo phương pháp đường thẳng được quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính.
 - Phương pháp kế toán hàng tồn kho:
 - + Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: giá gốc bao gồm cả chi phí mua hàng
 - + Phương pháp tính trị giá hàng xuất kho: giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ
 - + Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên
 - Hình thức kế toán áp dụng: Hình thức Nhật ký chung

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Quan hệ đối chiếu

Sổ Nhật ký chung là sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên chứng từ kế toán theo trình tự thời gian. Ngoài ra, trên sổ Nhật ký chung còn phản ánh quan hệ đối ứng tài khoản để phục vụ cho việc ghi Sổ cái. Số liệu trên sổ Nhật ký chung được dùng làm căn cứ để ghi vào sổ Cái.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra, dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng

tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

2.2. Thực trạng công tác kế toán Nguyên vật liệu tại công ty

2.2.1. Kế toán chi tiết Nguyên vật liệu tại công ty

Để có thể thực hiện tốt công tác quản lý Nguyên vật liệu thì trước hết Doanh nghiệp phải tiến hành phân loại Nguyên vật liệu. Có nhiều cách để phân loại khác nhau dựa trên những tiêu chí khác nhau. Nhưng Doanh nghiệp căn cứ vào vai trò, công dụng chủ yếu của nguyên vật liệu để phân loại thành 2 loại:

- + Nguyên vật liệu chính: Giấy Duplex, giấy Krap, sóng A,E,B,...
- + Nguyên vật liệu phụ: Mực in, bản kẽm, đinh ghim, đục lỗ, ...

2.2.1.1. Thủ tục nhập-xuất

- Thủ tục nhập kho
 - Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, lượng nguyên vật liệu dự trữ trong kho và đơn đặt hàng của khách hàng, phòng kinh doanh sẽ lập kế hoạch mua hàng.
 - Khi đã tham khảo bảng báo giá hợp lý, phòng kinh doanh trình kế hoạch mua hàng lên Giám đốc xét duyệt, sau đó phòng kinh doanh sẽ đi mua hàng, có trách nhiệm nhận hàng đầy đủ và mang Hóa đơn giá trị gia tăng, Biên bản giao nhận hàng về công ty. Hàng hóa được vận chuyển về kho của công ty.
- Tại kho
 - Khi hàng về kho Thủ kho và đại diện phòng kỹ thuật sẽ kiểm kê nguyên vật liệu theo số lượng và quy cách sản phẩm thực tế sau đó đối chiếu với Hóa đơn giá trị gia tăng về số lượng nhập và lập Biên bản kiểm nghiệm. Sau đó, thủ kho sẽ trực tiếp nhận hàng, kế toán sẽ lập phiếu nhập kho để cho nguyên vật liệu vào trong kho.
 - Phiếu nhập kho được lập thành 2 liên, thủ kho giữ 1 liên để ghi vào thẻ kho sau đó chuyển cho phòng kế toán để ghi sổ kế toán, còn 1 liên được giao cho người giao hàng giữ.

- Do công ty nhập kho nguyên vật liệu do mua ngoài nên giá nhập kho sẽ được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế NVL} \\ \text{mua ngoài nhập} \\ \text{kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua} \\ \text{ghi trên} \\ \text{hóa đơn} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí liên} \\ \text{quan trực} \\ \text{tiếp} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản chiết} \\ \text{khấu, giảm giá} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

Trong đó:

- Giá mua ghi trên hóa đơn là giá chưa có thuế GTGT
- Chi phí liên quan trực tiếp gồm: chi phí vận chuyển, bốc dỡ...
- Các khoản chiết khấu, giảm giá gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua, hàng mua bị trả lại, chiết khấu thanh toán.

Ví dụ 1: Ngày 20/12/2015, công ty mua 113.850 m² Sóng E của công ty TNHH Bao bì Quốc tế B&B, đơn giá chưa thuế là 5.121đ/m². Chi phí vận chuyển 1.000.000 đồng, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán.

- Tổng trị giá nguyên vật liệu nhập kho là:
 $(113.850 \times 5.121) + 1.000.000 = 584.025.850$ đồng
- * Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu tại công ty TNHH Nam Quân như sau:
 - Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế trong tháng 12, phòng kinh doanh đã lập kế hoạch mua Sóng E.
 - Khi đã tham khảo bảng báo giá hợp lý, phòng kinh doanh trình kế hoạch mua Sóng E của công ty TNHH Bao bì Quốc tế B&B lên Giám đốc xét duyệt.
 - Sau khi thông qua quyết định mua hàng, Giám đốc trực tiếp ký hợp đồng mua bán với công ty TNHH Bao bì Quốc tế B&B.
 - Sau đó, ông Bùi Quang Hải đại diện cho phòng kinh doanh đi mua Sóng E và nhận Hóa đơn GTGT số 0000622, Biên bản giao hàng của công ty TNHH Bao bì Quốc tế B&B, sau đó giao hàng cho thủ kho.
 - Tại kho, thủ kho và phòng kỹ thuật tiến hành kiểm tra số lượng, quy cách nguyên vật liệu, đối chiếu với số lượng ghi trên hóa đơn GTGT số 0000622 (biểu số 2.1), biên bản giao hàng (biểu số 2.2) và lập biên bản kiểm nghiệm vật tư (biểu số 2.3), sau đó, kế toán lập phiếu nhập kho (biểu số 2.4) để cho nguyên vật liệu vào trong kho.
 - + Phiếu lập kho được lập thành 2, thủ kho giữ 1 liên để ghi vào thẻ kho sau đó chuyển cho phòng kế toán để ghi sổ kế toán, còn 1 liên được giao cho người giao hàng giữ.

Biểu số 2.1: HĐGTGT số 0000662

<p>HOÁ ĐƠN</p> <p>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</p> <p>Liên 2 : Giao cho khách hàng</p> <p>Ngày 20 tháng 12 năm 2015</p>	<p>Mẫu số: 01 GTKT3/001</p> <p>Ký hiệu: AA/14P</p> <p>Số: 0000622</p>				
<p>Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Bao bì Quốc tế B&B</p> <p>Mã số thuế: 0200.113.899</p> <p>Địa chỉ: Số 135/28 Trường Trinh, P.Lãm Hà, Q. Kiến An, Tp. Hải Phòng</p> <p>Điện thoại: (031) 3545198</p> <p>Số tài khoản:</p>					
<p>Họ tên người mua hàng:</p> <p>Tên đơn vị: Công ty TNHH Nam Quân</p> <p>Mô số thuế: 0200430761</p> <p>Địa chỉ: Đường 208, xã An Đồng, huyện An Dương, Hải Phòng</p> <p>Hình thức thanh toán: CHUYỂN KHOẢN ; Số tài khoản:.....</p>					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
01	Sóng E	M2	113.850	5.121	583.025.850
02	Chi phí vận chuyển				1.000.000
Cộng tiền hàng:					584.025. 50
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		58.402.585
Tổng cộng tiền thanh toán					642.428.435
<p>Số tiền viết bằng chữ: sáu trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm hai mươi tám ngàn bốn trăm ba mươi năm đồng chẵn.</p>					
<p>Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)</p>		<p>Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)</p>		<p>Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</p>	
<p>(cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</p>					

Biểu số 2.2: Biên bản giao nhận nguyên vật liệu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

BIÊN BẢN GIAO HÀNG

Hôm nay, ngày 20 tháng 12 năm 2015, tại công ty TNHH Bao bì quốc tế B&B, chúng tôi gồm có:

Bên A (bên bán hàng): Công ty TNHH Bao bì quốc tế B&B

Địa chỉ: Số 135/28 Trường Trinh, P.Lãm Hà, Q. Kiến An, Tp. Hải Phòng

Đại diện bởi bà: Nguyễn Thị Thu

Chức danh: Nhân viên phòng kinh doanh

Số điện thoại:

Fax:

Mã số thuế: 0200.113.899

Bên B (bên nhận hàng): Công ty TNHH Nam Quân

Địa chỉ: Đường 208, xã An Đồng, huyện An Dương, Hải Phòng

Đại diện bởi ông: Bùi Quang Hải

Chức danh: Nhân viên phòng kinh doanh

Số điện thoại:

Fax:

Mã số thuế: 0200.430.761

Căn cứ vào hợp đồng mua bán, bên A giao hàng cho bên B và hai bên tiến hành xác lập theo các điều kiện sau:

Điều 1: Bên A giao hàng cho bên B nguyên vật liệu là Sóng E

- Số lượng, đơn giá, trị giá:
 - Số lượng: 113.850m²
 - Tương đương với trị giá: 584.025.850đ

(Số tiền bằng chữ: năm trăm tám mươi tư triệu không trăm hai mươi năm ngàn tám trăm năm mươi đồng chẵn).

Điều 2: Bên A xác nhận đã giao và bên B xác nhận đã nhận đủ số lượng là 113.857m² với tổng trị giá đã bao gồm thuế GTGT là: 642.428.435đ.

Biên bản giao hàng này được làm thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện bên A
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện bên B
(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.3: Biên bản kiểm nghiệm vật tư**Đơn vị:** Công ty TNHH Nam Quân**Địa chỉ:** Đường 208, xã An Đông,
huyện An Dương, Hải Phòng**Mẫu số 03 – VT**(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)**BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ,
CÔNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

Ngày 20 tháng 12 năm 2015

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000622 ngày 20/12/2015 của công ty TNHH
Bao bì quốc tế B&B

Ban kiểm nghiệm gồm:

Ông: Nguyễn Thái Quang Toàn – Đại diện phòng kỹ thuật

Bà: Đoàn Thị Thu Huyền – Đại diện cho thủ kho

Đã kiểm nghiệm các loại:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
					Số lượng đúng quy cách, phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất	
01	Sóng E	32	M2	113.850	113.850	0	

Đã kiểm nghiệm

Kết quả kiểm nghiệm: Đạt

Ngày 20 tháng 12 năm 2015

Giám đốc
(ký, ghi họ tên)Phòng kỹ thuật
(ký, ghi họ tên)Thủ kho
(ký, ghi họ tên)

Biểu số 2.4: phiếu nhập kho

CÔNG TY TNHH NAM QUÂN
Địa chỉ: đường 208, xã An Đồng,
Huyện An Dương, Hải Phòng

Mẫu số: 01 - VT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO
Ngày 20 tháng 12 năm 2015
Số : 13/12

Nợ : TK 152
Có : TK 331

- Họ và tên người giao hàng: Công ty TNHH Bao bì quốc tế B&B
- Theo HĐ GTGT số 0000622, ngày 20/12/2015 của công ty TNHH bao bì quốc tế B&B
- Nhập tại : Kho công ty

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
01	Sóng E	32	M2	113.850	113.850	5.130	584.025.850
	Cộng			113.850	113.850		584.025.850

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): năm trăm tám mươi tư triệu không trăm hai mươi năm ngàn tám trăm năm mươi đồng chẵn.
- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 20 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Người giao hàng
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kê toán
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, đóng dấu)

Ví dụ 2: Ngày 22/12/2015, công ty mua 937,66 kg Giấy Duplex của công ty TNHH Tân Gia Bình, đơn giá chưa có thuế là 12.926đ/kg, thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt.

- Tổng trị giá nguyên vật liệu nhập kho là:
 $937,66 \times 14.100 = 13.221.000đ$
- * Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu tại công ty TNHH Nam Quân như sau:
 - Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế trong tháng 12, phòng kinh doanh đã lập kế hoạch mua Giấy Duplex.
 - Khi đã tham khảo bảng báo giá hợp lý, phòng kinh doanh trình kế hoạch mua Giấy Duplex của công ty TNHH Tân Gia Bình lên Giám đốc xét duyệt.
 - Sau khi thông qua quyết định mua hàng, Giám đốc trực tiếp ký hợp đồng mua bán với công ty TNHH Tân Gia Bình.
 - Sau đó, ông Bùi Quang Hải đại diện cho phòng kinh doanh đi mua Giấy Duplex và nhận Hóa đơn GTGT số 0001192, Biên bản giao hàng của công ty TNHH Tân Gia Bình, sau đó giao hàng cho thủ kho.
 - Tại kho, thủ kho và phòng kỹ thuật tiến hành kiểm tra số lượng, quy cách nguyên vật liệu, đối chiếu với số lượng ghi trên hóa đơn GTGT số 0001192 (biểu số 2.5), biên bản giao hàng (biểu số 2.6) và lập biên bản kiểm nghiệm vật tư (biểu số 2.7), sau đó, kế toán lập phiếu nhập kho (biểu số 2.8) để cho nguyên vật liệu vào trong kho.
 - + Phiếu nhập kho được lập thành 2, thủ kho giữ 1 liên để ghi vào thẻ kho sau đó chuyển cho phòng kế toán để ghi sổ kế toán, còn 1 liên được giao cho người giao hàng giữ.
 - Sau khi nguyên vật liệu đã nhập kho, kế toán lập phiếu chi (Biểu số 2.9) để thanh toán với bên bán.

Biểu số 2.5: Hóa đơn GTGT số 0001192

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			GTKT3/001		
Liên 2 : Giao cho khách hàng			Ký hiệu: AA/14P		
Ngày 22 tháng 12 năm 2015			Số: 0001192		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Tân Gia Bình					
Mã số thuế: 0101.459.382					
Địa chỉ: P.502,B3,TT Thanh Xuân Bắc, P.Thanh Xuân Bắc, Q.Thanh Xuân, Hà Nội					
Điện thoại: (04)37854921					
Số tài khoản:					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Nam Quân					
Mô số thuế: 0200430761					
Địa chỉ: Đường 208, xã An Đồng, huyện An Dương, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: TIỀN MẶT ; Số tài khoản:.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
01	Giấy Duplex	Kg	937,66	14.100	13.221.000
Cộng tiền hàng:					13.221.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			1.322.100
Tổng cộng tiền thanh toán					14.543.100
Số tiền viết bằng chữ: mười bốn triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn một trăm đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Biểu số 2.6: Biên bản giao nhận nguyên vật liệu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

BIÊN BẢN GIAO HÀNG

Hôm nay, ngày 22 tháng 12 năm 2015, tại công ty TNHH Tân Gia Bình, chúng tôi gồm có:

Bên A (bên bán hàng): Công ty TNHH Tân Gia Bình

Địa chỉ: P.502,B3,TT Thanh Xuân Bắc, P.Thanh Xuân Bắc, Q.Thanh Xuân, Hà Nội

Đại diện bởi ông: Đoàn Văn Dũng

Chức danh: Nhân viên phòng kinh doanh

Số điện thoại:

Fax:

Mã số thuế: 0101.459.382

Bên B (bên nhận hàng): Công ty TNHH Nam Quân

Địa chỉ: Đường 208, xã An Đồng, huyện An Dương, Hải Phòng

Đại diện bởi ông: Bùi Quang Hải

Chức danh: Nhân viên phòng kinh doanh

Số điện thoại:

Fax:

Mã số thuế: 0200.430.761

Hai bên cùng thống nhất số lượng hàng hóa giao như sau:

- Tên loại hàng hóa: Sóng E
- Số lượng: 937,66kg

Trị giá thành tiền: 13.221.000đ

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Đại diện bên A
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện bên B
(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.7: Biên bản kiểm nghiệm vật tư**Đơn vị:** Công ty TNHH Nam Quân**Mẫu số 03 – VT****Địa chỉ:** Đường 208, xã An Đông,
huyện An Dương, Hải Phòng(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)**BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ,
CÔNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

Ngày 22 tháng 12 năm 2015

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0001192 ngày 22/12/2015 của công ty TNHH
Tân Gia Bình

Ban kiểm nghiệm gồm:

Ông: Nguyễn Thái Quang Toàn – Đại diện phòng kỹ thuật

Bà: Đoàn Thị Thu Huyền – Đại diện cho thủ kho

Đã kiểm nghiệm các loại:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
					Số lượng đúng quy cách, phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất	
01	Giấy Duplex	4	Kg	937,66	937,66	0	

Đã kiểm nghiệm

Kết quả kiểm nghiệm: Đạt

Ngày 22 tháng 12 năm 2015

Giám đốc
(ký, ghi họ tên)Phòng kỹ thuật
(ký, ghi họ tên)Thủ kho
(ký, ghi họ tên)

Biểu số 2.8: phiếu nhập kho

CÔNG TY TNHH NAM QUÂN

Địa chỉ: đường 208, xã An Đông,

Huyện An Dương, Hải Phòng

Mẫu số: 01 - VT

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 22 tháng 12 năm 2015

Số : 15/12

Nợ : TK 152

Có : TK 111

- Họ và tên người giao hàng: Công ty TNHH Tân Gia Bình
- Theo HĐ GTGT số 0001192, ngày 22/12/2015 của công ty TNHH Tân Gia Bình
- Nhập tại : Kho công ty

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
01	Giấy Duplex	4	Kg	937,66	937,66	14.100	13.221.000
	Cộng			937,66	937,66		13.221.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): mười ba triệu hai trăm hai mươi một ngàn đồng chẵn.

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 22 tháng 12 năm 2015

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Người giao hàng
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kê toán
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, đóng dấu)

Biểu số 2.9: Phiếu chi

Đơn vị: Cty TNHH Nam Quân
Địa chỉ: đường 208, xã An Đông,
huyện An Đông, Hải Phòng

Mẫu số 02-TT
Quyết định 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2016 của Bộ trưởng BTC
Quyển số:.....

PHIẾU CHI

Số: 07/12

Ngày 22 tháng 12 năm 2015

Nợ TK 152: 13.221.000

Nợ TK 1331: 1.322.100

Có TK111:14.543.100

Họ và tên người nhận tiền: Phạm Thị Thu Huyền

Địa chỉ: phòng kế toán

Lý do chi: mua vật tư

Số tiền: 14.543.100

(Viết bằng chữ): mười bốn triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn một trăm đồng chẵn.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 22 tháng 12 năm 2015

Người lập
phiếu
(ký, họ tên)

Người nhận
tiền
(ký, họ tên)

Thủ quỹ
(ký, họ tên)

Kế toán
trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): mười bốn triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn một trăm đồng chẵn.

➤ **Thủ tục xuất kho**

Hầu hết nguyên vật liệu xuất kho ở công ty TNHH Nam Quân đều phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh.

Khi có đơn đặt hàng, phòng kinh doanh sẽ nhận đơn đặt hàng và chuyển cho phân xưởng để tiến hành sản xuất.

Khi phân xưởng nhận đơn đặt hàng sẽ tiến hành lập phiếu đề nghị lĩnh vật tư đưa qua phòng kinh doanh ký và chuyển cho giám đốc duyệt.

Sau đó, kế toán sẽ lập phiếu xuất kho đưa cho lãnh đạo phòng kế toán ký, lãnh đạo phân xưởng ký. Sau khi ký nhận, phân xưởng lĩnh vật tư tại kho công ty.

Phiếu xuất kho được kế toán lập 2 liên có chữ ký của những người liên quan:

- Thủ kho giữ 1 liên để ghi vào thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán để kế toán ghi vào sổ sách kế toán.
- Phân xưởng giữ 1 liên để theo dõi ở bộ phận sử dụng.

Vật tư xuất dùng cho sản xuất, đơn giá vật tư xuất kho được tính theo phương pháp bình quân cả kỳ:

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá NVL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá NVL nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng NVL tồn đầu kỳ} + \text{số lượng NVL nhập trong kỳ}}$$

Trị giá NVL xuất kho = Đơn giá BQ cả kỳ x số lượng NVL xuất kho

Ví dụ 3: ngày 21/12/2015, xuất vật tư để sản xuất hộp carton bán cho công ty CP gồm Đất Việt.

- Sau khi có đơn đặt hàng ngày 20/12 của công ty CP gồm Đất Việt, phòng kinh doanh sẽ xem xét đơn đặt hàng và sau đó chuyển đơn đặt hàng xuống phân xưởng để tiến hành sản xuất.
 - Khi xem xét đơn đặt hàng ngày 20/12/2015, phân xưởng xác định để sản xuất cần xin cấp: 1.223kg giấy Duplex, 3,32kg Mực in CL, 3.376m² Sóng E, 31,26 tấm Bản kẽm, 1,77 bao khuy lỗ.
- Sau đó, phân xưởng sẽ lập giấy đề nghị lĩnh vật tư trình lên phòng kinh doanh ký và chuyển lên cho giám đốc ký.

- Căn cứ giấy đề nghị lĩnh vật tư, kế toán lập phiếu xuất kho thành 2 liên, 1 liên thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho, sau đó chuyển cho kế toán để ghi sổ. 1 liên giao cho phân xưởng giữ để theo dõi.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân cả kỳ để tính trị giá nguyên vật liệu xuất kho nên khi xuất kho trên phiếu xuất chỉ ghi số lượng nguyên vật liệu xuất kho, còn trị giá nguyên vật liệu xuất kho sẽ được xác định vào thời điểm cuối kỳ.

- **Giấy Duplex:**

+ Tồn đầu tháng 12 là: 102.650kg, đơn giá: 12.926đ/kg

+ Tình hình nhập trong kỳ của Giấy Duplex:

- Ngày 1/12: nhập 19.160kg, đơn giá 11.300đ/kg, thành tiền 216.508.000đ

- Ngày 03/12: nhập 455.04kg, đơn giá 13.272đ/kg, thành tiền 6.039.290đ

- Ngày 07/12: nhập 2.859,2kg, đơn giá 12.000đ/kg, thành tiền 34.312.197đ

- Ngày 10/12: nhập 19.160kg, đơn giá 11.300đ/kg, thành tiền 216.508.000đ

- Ngày 19/12: nhập 2.085kg, đơn giá 12.000đ/kg, thành tiền 25.020.000đ

- Ngày 20/12: nhập 8.073,43 kg, đơn giá 14.600đ/kg, thành tiền 117.872.078đ

- Ngày 22/12: nhập 937,66 kg, đơn giá 14.100đ/kg, thành tiền 13.221.000đ

- Ngày 23/12: nhập 7.363,87kg, đơn giá 14.157đ/kg, thành tiền 104.250.308đ

$$\begin{aligned} & 102.650 \times 12.926 + 937,66 \times 14.100 + \\ & 455,04 \times 13.273 + 2.859 \times 12.000 + 19.160 \times \\ \text{Đơn giá} & 11.300 + 2.085 \times 12.000 + 8.073,43 \times 14.600 \\ \text{BQ của} & + 19.160 \times 11.300 + 7.363,87 \times 14.157 \\ \text{giấy} & = \frac{102.650 + 937,66 + 455,04 + 2.859 + 19.160}{102.650 + 937,66 + 455,04 + 2.859 + 19.160} = 12.662 \text{ đ/kg} \\ \text{Duplex} & + 2.085 + 8.073,43 + 19.160 + 7.363,87 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Trị giá Giấy Duplex} & \\ \text{xuất ngày 21/12} & = 1.223 \times 12.662 = 15.485.626 \text{ đ} \end{aligned}$$

- **Mực in CL**

+ Tồn đầu tháng 12 là: 66,54 kg, đơn giá: 133.080đ/kg

+ Tình hình nhập trong kỳ của Mực in CL:

- Ngày 02/12: nhập 124kg, đơn giá 116.694đ/kg, thành tiền 14.470.000đ

- Ngày 10/12: nhập 30kg, đơn giá 114.333đ/kg, thành tiền 3.430.000đ

- Ngày 29/12: nhập 34kg, đơn giá 131.882đ/kg, thành tiền 4.484.000đ

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá BQ của Mực in CL} &= \frac{66,54 \times 133.080 + 124 \times 116.694 + 30 \times 114.333 + 34 \times 131.882}{66,54 + 124 + 30 + 34} = 122.728 \text{ đ/kg} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Trị giá Mực in CL xuất ngày 21/12} &= 3,32 \times 122.728 = 407.457 \text{ đ} \end{aligned}$$

- **Sóng E**

+ Tồn đầu tháng 12 là 111.388m², đơn giá: 4.533đ/m²

+ Tình hình nhập trong kỳ của Sóng E:

- Ngày 20/12: nhập 113.850m², đơn giá 5.130đ/m², thành tiền 584.025.850đ

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá BQ của Sóng E} &= \frac{111.388 \times 4.533 + 113.850 \times 5.130}{111.388 + 113.850} = 4.835 \text{ đ/m}^2 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Trị giá Sóng E xuất ngày 21/12} &= 3.376 \times 4.835 = 16.322.960 \text{ đ} \end{aligned}$$

- **Bản kẽm**

+ Tồn đầu tháng 12 là: 73,92 tấm, đơn giá: 39.128đ/tấm

+ Trong tháng 12 công ty không nhập bản kẽm nên đơn giá bình quân bằng đơn giá đầu kỳ.

$$\begin{aligned} \text{Trị giá Bản kẽm xuất ngày 21/12} &= 31,26 \times 39.128 = 1.223.141 \text{ đ} \end{aligned}$$

- **Khuy lỗ**

+ Tồn đầu tháng 12 là: 10,44 bao, đơn giá: 226.273đ/bao

+ Tình hình nhập trong kỳ của Khuy lỗ:

- Ngày 01/12: nhập 5 bao, đơn giá 240.000đ/bao, thành tiền 1.200.000đ

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá BQ} \\ \text{của Khuy lỗ} \end{array} = \frac{10,44 \times 226.273 + 5 \times 240.000}{10,44 + 5} = 230.718\text{đ/bao}$$

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá Khuy lỗ xuất} \\ \text{ngày 21/12} \end{array} = 1,77 \times 230.718 = 408.371 \text{ đ}$$

Biểu số 2.10: Giấy đề nghị lĩnh vật tư

CÔNG TY TNHH NAM QUÂN
Đường 208, xã An Đông,
huyện An Dương, Hải Phòng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày 21 tháng 12 năm 2015

GIẤY ĐỀ NGHỊ LĨNH VẬT TƯ

Kính gửi: Phòng kinh doanh

Để phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm của công ty, kính đề nghị phòng ban duyệt cho xuất những nguyên vật liệu sau:

STT	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy Duplex	Kg	1.223	
02	Mực in CL	Kg	3,32	
03	Sóng E	M2	3.376	
04	Bản kẽm	Tám	31,26	
05	Khuy lỗ	bao	1,77	

Giám đốc
(ký, ghi rõ họ tên)

Phòng kinh doanh
(ký, ghi rõ họ tên)

Phân xưởng sản xuất
(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.11: Phiếu xuất kho

CÔNG TY TNHH NAM QUÂN

Mẫu số: 02 - VT

Địa chỉ: đường 208, xã An Đồng,
huyện An Dương, Hải Phòng.(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)**PHIẾU XUẤT KHO**

Nợ : TK 154

Ngày 21 tháng 12 năm 2015

Có : TK 152

Số 20/12

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Hoàng Nam

Địa chỉ: phân xưởng sản xuất

Lý do xuất kho: xuất phục vụ sản xuất

Xuất tại kho : công ty

Địa điểm : Đường 208, xã An Đồng, huyện An Dương, Hải Phòng

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo Yêu cầu	Thực Xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
01	Giấy Duplex	23	kg	1.223	1.223		
02	Mực in CL	02	Kg	3,32	3,32		
03	Bản kẽm	68	tám	31,26	31,26		
04	Khuy lỗ	55	bao	1,77	1,77		
05	Sóng E	32	M2	3.376	3.376		
	Cộng						

- Tổng số tiền (viết bằng chữ):

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 21 tháng 12 năm 2015

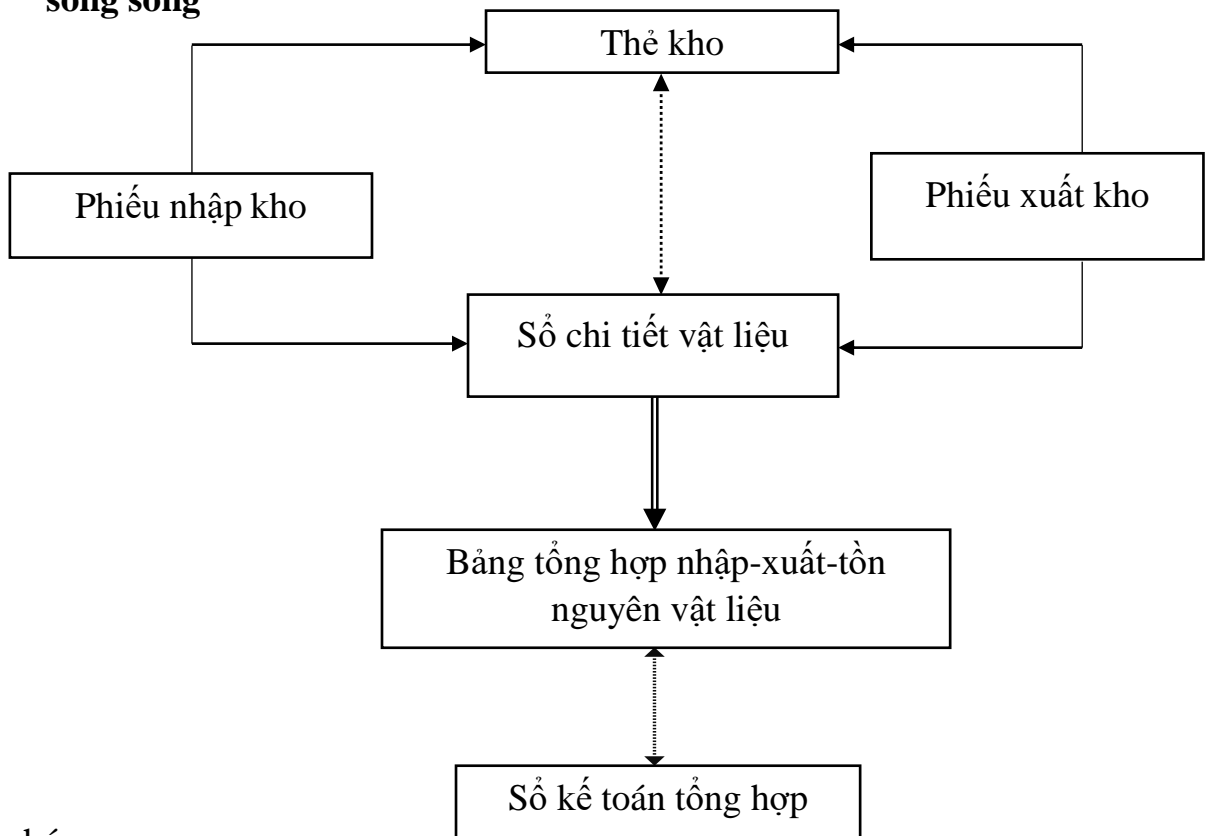
Người lập
phiếu
(Ký, họ tên)Người nhận
hàng
(Ký, họ tên)Thủ kho
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.1.2. Phương pháp kế toán chi tiết Nguyên vật liệu tại công ty TNHH Nam Quân

Nguyên vật liệu trong công ty có nhiều chủng loại khác nhau, vì vậy hạch toán nguyên vật liệu xuất kho phải đảm bảo theo dõi được tình hình biến động của nguyên vật liệu. Hạch toán chi tiết được tiến hành song song với hạch toán tổng hợp nhằm quản lý chặt chẽ tình hình biến động tài sản của doanh nghiệp.

Kế toán thực hiện hình thức hạch toán chi tiết nguyên vật liệu phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo phương pháp “thẻ song song”.

Sơ đồ 2.5: Sơ đồ hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song



ghi chú:

- > Ghi hằng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ◄-----> Quan hệ đối chiếu

Việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu được tiến hành đồng thời tại 2 bộ phận: kế toán và kho.

- Tại kho: Thủ kho theo dõi số lượng nhập-xuất trên thẻ kho đồng thời nắm vững ở bất kỳ thời điểm nào trong kho về số lượng, chất lượng, chủng loại nguyên vật liệu để sẵn sàng xuất khi có yêu cầu để sản xuất. Hằng ngày, căn cứ vào chứng từ nhập-xuất phát sinh, thủ kho tiến hành phân loại, sắp xếp cho từng loại nguyên liệu vào thẻ kho chi tiết từng loại theo số lượng. Cuối ngày hoặc sau mỗi lần nhập-xuất, thủ kho phải tính toán và đối chiếu số lượng nguyên vật liệu tồn kho thực tế so với số lượng trên thẻ kho.

$$\text{Số lượng tồn cuối kỳ} = \text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ} - \text{Số lượng xuất trong kỳ}$$

- Tại phòng kế toán:
Kế toán mở sổ chi tiết cho từng loại nguyên vật liệu tương ứng với thẻ kho mở ở kho. Hằng ngày hoặc định kỳ khi nhận được chứng từ nhập-xuất nguyên vật liệu do thủ kho nộp, kế toán kiểm tra ghi đơn giá, tính thành tiền và phân loại chứng từ.
Đối với chứng từ xuất: Khi nhận được phiếu xuất kho, kế toán ghi chi tiết về số lượng từng loại nguyên vật liệu xuất kho vào bảng kê phiếu xuất kho. Sau đó đến cuối tháng, kế toán tổng hợp trị giá nguyên vật liệu tồn đầu kỳ, nhập trong kỳ, số lượng nguyên vật liệu tồn đầu kỳ, nhập trong kỳ để tính ra đơn giá bình quân cả kỳ. Sau đó, kế toán căn cứ vào các phiếu xuất trong kỳ để ghi chi tiết về số lượng, đơn giá, thành tiền vào Sổ chi tiết nguyên vật liệu tương ứng.
Cuối kỳ, kế toán cộng số liệu trên sổ chi tiết đối chiếu với thẻ kho của thủ kho về số lượng. Căn cứ vào sổ chi tiết lập bảng nhập-xuất-tồn nguyên vật liệu, căn cứ vào bảng nhập-xuất-tồn kế toán đối chiếu số liệu với sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái TK 152).

Tiếp ví dụ 1: Ngày 20/12/2015, công ty mua 113.850 m² Sóng E của công ty TNHH Bao bì Quốc tế B&B, đơn giá chưa thuế là 5.121đ/m². Chi phí vận chuyển 1.000.000 đồng, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán.

Người bán xuất hóa đơn và công ty đã nhận đủ hàng

Căn cứ vào hóa đơn mua hàng số 0000622 (Biểu số 2.1) và số lượng thực tế, kế toán tiến hành lập phiếu nhập kho (Biểu số 2.4)

Khi nhận được phiếu nhập kho, thủ kho ghi vào thẻ kho (Biểu số 2.12) đồng thời kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết nguyên vật liệu tương ứng.

Cuối kỳ, căn cứ sổ chi tiết nguyên vật liệu, kế toán lập bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn nguyên vật liệu.

Tiếp ví dụ 2: Ngày 22/12/2015, công ty mua 950kg Giấy Duplex của công ty TNHH Tân Gia Bình, đơn giá chưa có thuế là 11.300đ/kg, thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt.

Người bán xuất hóa đơn và công ty đã nhận đủ hàng

Căn cứ vào hóa đơn mua hàng số 0001192 (Biểu số 2.5) và số lượng thực tế, kế toán tiến hành lập phiếu nhập kho (Biểu số 2.8)

Khi nhận được phiếu nhập kho, thủ kho ghi vào thẻ kho (Biểu số 2.13) đồng thời kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết nguyên vật liệu tương ứng.

Cuối kỳ, căn cứ sổ chi tiết nguyên vật liệu, kế toán lập bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn nguyên vật liệu.

Tiếp ví dụ 3: ngày 21/12/2015, xuất vật tư để sản xuất hộp carton bán cho công ty CP gồm Đất Việt.

- Ở kho: Thủ kho căn cứ vào phiếu xuất (Biểu số 2.11) để ghi vào thẻ kho.
- Ở phòng kế toán: Căn cứ vào phiếu xuất số 20/12 ngày 21/12/2015 (Biểu số 2.11) kế toán ghi vào bảng kê phiếu xuất kho về số lượng các loại nguyên vật liệu xuất dùng. Cuối tháng, kế toán tổng hợp giá trị nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ, nhập trong kỳ; số lượng nguyên vật liệu tồn đầu kỳ, nhập trong kỳ để tính ra đơn giá bình quân. Sau đó, căn cứ vào phiếu xuất số 20/12 ngày 21/12/2015 (Biểu số 2.11), kế toán ghi vào sổ chi tiết nguyên vật liệu cho các nguyên vật liệu : Giấy Duplex, Mực in CL, Sóng E, Bản kẽm, Khuy lỗ theo dõi về số lượng và trị giá nguyên vật liệu xuất dùng.

Biểu số 2.12: thẻ kho của Giấy Duplex

Đơn vị: **CÔNG TY NAM QUÂN**

Địa chỉ: đường 208, xã An Đồng, huyện An Dương, HP

Mẫu số: S09-DNN

(Ban hành kèm theo Quyết định

Số 48/2006/QĐ-BTC Ngày

14/09/2006 của Bộ Tài Chính)

THẺ KHO (SỔ KHO)

Ngày lập thẻ: 01/12/2015

Tờ số: 05/12

Tên nguyên vật liệu: Giấy Duplex

Đơn vị tính: kg

Mã số: 04

STT	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Ghi chú
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Số dư đầu tháng				102.650	
...
13	21/12/2015		PX20/12	Xuất giấy Duplex cho sản xuất	21/12/2015		1.223	146.631	
14	22/12/2015	PN15/12		Mua giấy Duplex của công ty TNHH Tân Gia Bình	22/12/2015	937,66		147.568,66	
15	22/12/2015		PX21/12	Xuất giấy Duplex cho sản xuất	22/12/2015		1.921	145.660	
....
				Cộng cuối tháng		60.094	28.069		
				Số dư cuối tháng				134.675	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.13: Thẻ kho của Sóng E

Đơn vị: **CÔNG TY NAM QUÂN**

Địa chỉ: đường 208, xã An Đồng, huyện An Dương, HP

Mẫu số: S09-DNN
(Ban hành kèm theo Quyết định
Số 48/2006/QĐ-BTC Ngày
14/09/2006 của Bộ Tài Chính)

THẺ KHO (SỔ KHO)

Ngày lập thẻ: 01/12/2015

Tờ số: 08/12

Tên nguyên vật liệu: Sóng E

Đơn vị tính: m2

Mã số: 32

STT	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Ghi chú
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Số dư đầu tháng				111.388	
...
15	18/12/2015		PX15/12	Xuất Sóng E phục vụ sản xuất	18/12/2015		3.429	20.959	
16	20/12/2015	PN13/12		Mua Sóng E của công ty TNHH Bao bì quốc tế B&B	20/12/2015	113.850		134.809	
17	21/12/2015		PX20/12	Xuất Sóng E phục vụ sản xuất	21/12/2015		3.376	131.433	
....
				Cộng cuối tháng		113.850	102.717		
				Số dư cuối tháng				122.521	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.14: Thẻ kho của Mực in CL

Đơn vị: **CÔNG TY NAM QUÂN**

Địa chỉ: đường 208, xã An Đồng, huyện An Dương, HP

Mẫu số: S09-DNN

(Ban hành kèm theo Quyết định

Số 48/2006/QĐ-BTC Ngày

14/09/2006 của Bộ Tài Chính)

THẺ KHO (SỔ KHO)

Ngày lập thẻ: 01/12/2015

Tờ số: 09/12

Tên nguyên vật liệu: Mực in CL

Đơn vị tính: kg

Mã số: 02

STT	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Ghi chú
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Số dư đầu tháng				66,54	
...
	10/12/2015	PN08/12		Mua mực in CL của công ty Mạnh Tài	10/12/2015	30		119,54	
.....
	21/12/2015		PX20/12	Xuất mực in CL để sản xuất	21/12/2015		3,32	60,28	
.....
				Cộng cuối tháng		188	225,73		
				Số dư cuối tháng				28,81	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.15: Thẻ kho của Bản kẽmĐơn vị: **CÔNG TY NAM QUÂN**

Địa chỉ: đường 208, xã An Đông, huyện An Dương, HP

Mẫu số: S09-DNN
 (Ban hành kèm theo Quyết định
 Số 48/2006/QĐ-BTC Ngày
 14/09/2006 của Bộ Tài Chính)

THẺ KHO (SỔ KHO)

Ngày lập thẻ: 01/12/2015

Tờ số: 11/12

Tên nguyên vật liệu: Bản kẽm

Đơn vị tính: tấm

Mã số: 15

STT	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Ghi chú
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Số dư đầu tháng				73,92	
12	21/12/2015		PX20/12	Xuất Bản kẽm để sản xuất	21/12/2015		31,26	42,66	
				Cộng cuối tháng		-	31,26		
				Số dư cuối tháng				42,66	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.16: Thẻ kho của Khuy lỗĐơn vị: **CÔNG TY NAM QUÂN**

Địa chỉ: đường 208, xã An Đông, huyện An Dương, HP

THẺ KHO (SỔ KHO)

Ngày lập thẻ: 01/12/2015

Tờ số: 14/12

Tên nguyên vật liệu: Khuy lỗ

Đơn vị tính: bao

Mã số: 37

Mẫu số: S09-DNN

(Ban hành kèm theo Quyết định

Số 48/2006/QĐ-BTC Ngày

14/09/2006 của Bộ Tài Chính)

STT	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập xuất	Số lượng			Ghi chú
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				Số dư đầu tháng				10,44	
01	01/12/2015	PN01/12		Mua khuy lỗ của công ty TNHH Thiên Nam	02/12/2015	5,00		15,44	
02	18/12/2015		PX15/12	Xuất khuy lỗ để sản xuất	18/12/2015		2,32	13,12	
03	21/12/2015		PX20/12	Xuất Khuy lỗ để sản xuất	21/12/2015		1,77	11,35	
....
				Cộng cuối tháng		5,00	5,45		
				Số dư cuối tháng				9,99	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.17: Sổ chi tiết của Giấy DuplexĐơn vị: **CÔNG TY NAM QUÂN**

Địa chỉ: đường 208, xã An Đông, huyện An Dương, HP

Mẫu số S07 – DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14/09/2006 của bộ
trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 12 năm 2015

Tài khoản: 152 Kho: Nguyên vật liệu

Tên nguyên vật liệu: **Giấy Duplex**

Đơn vị tính: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
	SH	NT				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
			Số dư đầu kỳ		12.926					102.650	1.326.853.900	
22/12	PN15/12	22/12	Mua giấy Duplex của công ty TNHH Tân Gia Bình	111	14.100	937,66	13.221.000			147.851	2.084.699.100	
31/12	PX20/12	21/12	Xuất giấy Duplex để sản xuất	154	12.662			1.223	15.485.626	146.631	1.856.641.722	
31/12	PX21/12	22/12	Xuất giấy Duplex để sản xuất	154	12.662			1.921	24.323.702	144.710	1.823.318.020	
			Cộng cuối tháng			60.094	733.730.873	28.069	355.395.643			
			Số dư cuối tháng 12		12.662					134.675	1.705.189.130	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.18: Sổ chi tiết của Sóng EĐơn vị: **CÔNG TY NAM QUÂN**

Địa chỉ: đường 208, xã An Đông, huyện An Dương, HP

Mẫu số S07 – DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14/09/2006 của bộ
trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 12 năm 2015

Tài khoản: 152 Kho: Nguyên vật liệu

Tên nguyên vật liệu: **Sóng E**

Đơn vị tính: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
	SH	NT				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
			Số dư đầu kỳ		4.533					111.388	504.921.804	
20/12	PN13/12	20/12	Mua Sóng E của công ty TNHH Bao bì quốc tế B&B	331	5.130	113.850	584.025.850			225.238	726.428.179	
.....
31/12	PX15/12	18/12	Xuất Sóng E để sản xuất	154	4.835			3.429	16.579.215	145.429	703.149.215	
31/12	PX21/12	21/12	Xuất Sóng E để sản xuất	154	4.835			3.376	16.322.960	142.053	686.826.255	
.....
			Cộng cuối tháng			113.850	584.025.850	102.717	496.585.337			
			Số dư cuối tháng 12		4.835					122.521	592.362.317	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.19: Sổ chi tiết của Mục in CLĐơn vị: **CÔNG TY NAM QUÂN**

Địa chỉ: đường 208, xã An Đồng, huyện An Dương, HP

Mẫu số S07 – DNN

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-

BTC ngày 14/09/2006 của bộ

trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 12 năm 2015

Tài khoản: 152

Kho: Nguyên vật liệu

Tên nguyên vật liệu: **Mục in CL**

Đơn vị tính: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
	SH	NT				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
			Số dư đầu kỳ		133.080					66,54	8.855.143	
10/12	PN08/12	10/12	Mua mực in CL của công ty TNHH Mạnh Tài	111	114.333	30	3.430.000			119,54	13.667.367	
31/12	PX20/12	21/12	Xuất Mực in CL để sản xuất	154	122.728			47,49	5.828.353	60,28	7.398.044	
			Cộng cuối tháng			188	22.384.000	225,73	27.703.323			
			Số dư cuối tháng 12		122.728					28,81	3.535.820	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.20: Sổ chi tiết của Bản kẽmĐơn vị: **CÔNG TY NAM QUÂN**

Địa chỉ: đường 208, xã An Đông, huyện An Dương, HP

Mẫu số S07 – DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14/09/2006 của bộ
trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 12 năm 2015

Tài khoản: 152

Kho: Nguyên vật liệu

Tên nguyên vật liệu: **Bản kẽm**

Đơn vị tính: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
	SH	NT				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			<u>39.128</u>				<u>73,92</u>	<u>2.892.342</u>	
31/12	PX20/12	21/12	Xuất Bản kẽm để sản xuất	154	39.128			31,26	1.223.141	42,66	1.669.201	
			<u>Cộng cuối tháng</u>			-	-	31,26	1.223.141			
			<u>Số dư cuối tháng 12</u>		<u>39.128</u>					<u>42,66</u>	<u>1.669.201</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.21: Sổ chi tiết của Khuy lỗĐơn vị: **CÔNG TY NAM QUÂN**

Địa chỉ: đường 208, xã An Đông, huyện An Dương, HP

Mẫu số S07 – DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
BTC ngày 14/09/2006 của bộ
trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 12 năm 2015

Tài khoản: 152

Kho: Nguyên vật liệu

Tên nguyên vật liệu: **Khuy lỗ**

Đơn vị tính: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
	SH	NT				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
			Số dư đầu kỳ		226.273					10,44	2.362.290	
02/12	PN01/12	01/12	Mua khuy lỗ của công ty TNHH Thiên Nam	111	240.000	5,00	1.200.000			15,44	3.562.290	
.....
31/12	PX15/12	18/12	Xuất Khuy lỗ để sản xuất	154	230.718			2,32	535.266	13,12	3.027.020	
31/12	PX20/12	21/12	Xuất Khuy lỗ để sản xuất	154	230.718			1,77	408.371	11,35	2.678.649	
.....
			Cộng cuối tháng			5,00	1.200.000	5,45	1.257.413			
			Số dư cuối tháng 12		230.718					9,99	2.304.877	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.22: Bảng tổng hợp nguyên vật liệuĐơn vị: **CÔNG TY NAM QUÂN**

Địa chỉ: đường 208, xã An Đông, huyện An Dương, HP

BẢNG TỔNG HỢP NGUYÊN VẬT LIỆU

Tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên nguyên vật liệu	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
		Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
...
05	Giấy Duplex	102.650	1.326.853.900	60.094	733.730.873	28.069	355.395.643	134.675	1.705.189.130
06	Sóng E	111.388	504.921.804	113.850	584.025.850	102.717	496.585.337	122.521	592.362.317
07	Mực in CL	66,54	8.855.143	188	22.384.000	225,73	27.703.323	28,81	3.535.820
08	Bản kẽm	73,92	2.892.342	-	-	31,26	1.223.141	42,66	1.669.201
09	Khuy lỗ	10,44	2.362.290	5,00	1.200.000	5,45	1.257.413	9,99	2.304.877
...
	Cộng	335.029,35	2.579.227.219	187.119,83	1.548.450.091	169.575,55	1.395.728.818	352.573,63	2.731.948.492

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu

(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

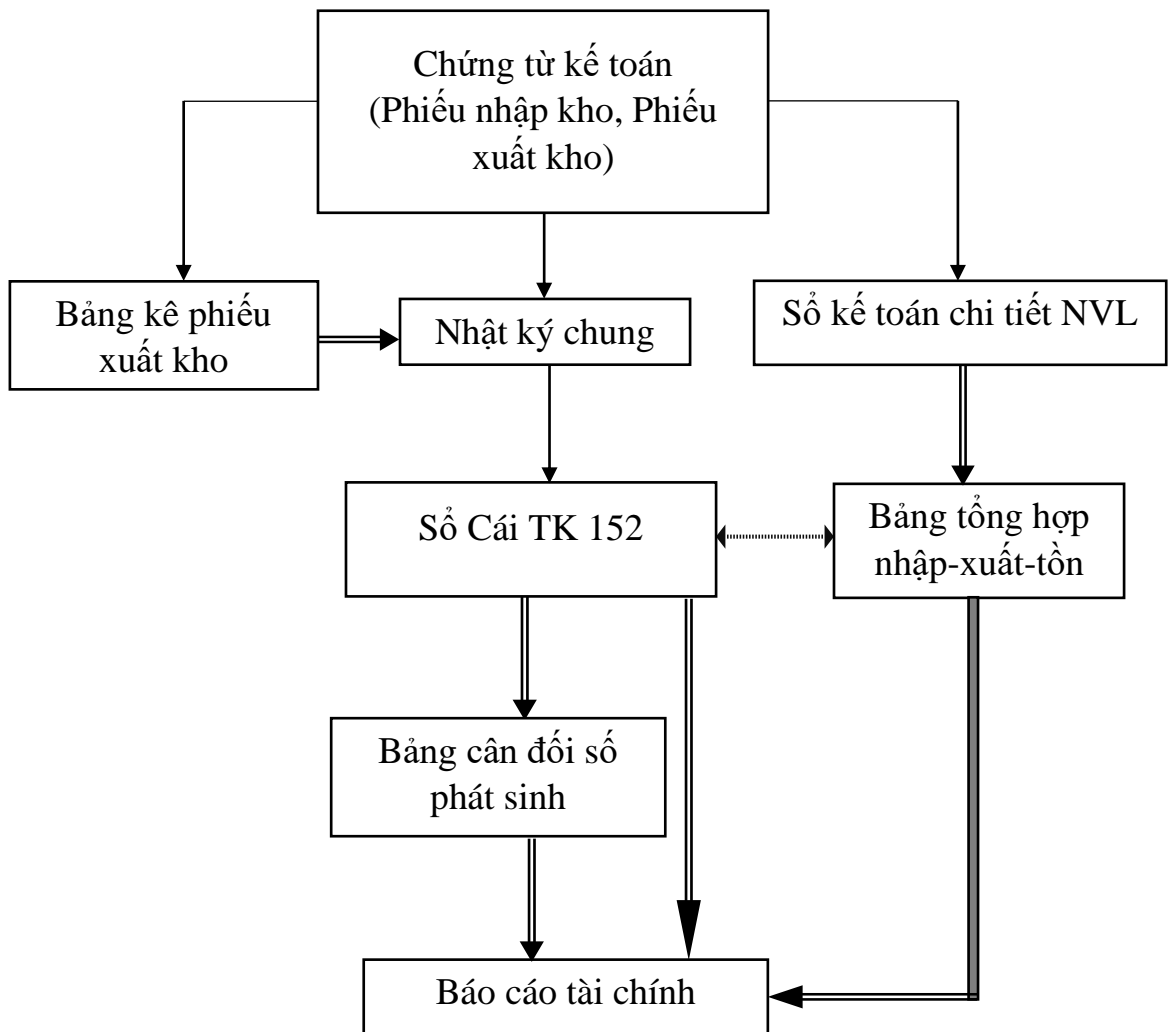
(ký, ghi rõ họ tên)

2.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty TNHH Nam Quân

Công ty TNHH Nam Quân hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên đó là phương pháp theo dõi ghi chép và phản ánh thường xuyên liên tục, có hệ thống tình hình tăng giảm nguyên vật liệu sau mỗi lần phát sinh nghiệp vụ nhập, xuất nguyên vật liệu.

- Chứng từ sử dụng
 - Hợp đồng mua hàng
 - Phiếu nhập kho (Mẫu số 01-VT)
 - Phiếu xuất kho (Mẫu số 02-VT)
 - Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo của Ngân hàng
 - Các chứng từ liên quan khác
- Tài khoản sử dụng
 - Để thực hiện công tác kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công ty sử dụng tài khoản:
 - Tài khoản 152- Nguyên liệu, vật liệu
 - Các nghiệp vụ nhập nguyên vật liệu, công ty sử dụng các tài khoản sau:
 - + TK 111: Tiền mặt
 - + TK 112: Tiền gửi ngân hàng
 - + TK 331: Phải trả cho người bán
 - Các nghiệp vụ xuất nguyên vật liệu công ty sử dụng các tài khoản sau:
 - + TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
- Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.6: Sơ đồ kế toán theo hình thức Nhật ký chung của công ty TNHH Nam Quân



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng
- ◄-----> Quan hệ đối chiếu

Hàng ngày, căn cứ vào các phiếu xuất kho để ghi chi tiết số lượng các loại nguyên vật liệu xuất kho vào Bảng kê phiếu xuất kho.

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào Phiếu nhập, cuối tháng, kế toán căn cứ vào bảng kê phiếu xuất kho để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ Nhật ký chung. Từ số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi Sổ cái TK 152.

Đồng thời, từ phiếu nhập kho, phiếu xuất kho kế toán phản ánh nghiệp vụ vào sổ chi tiết nguyên vật liệu.

Cuối kỳ kế toán tổng hợp số liệu từ Sổ Cái vào bảng Cân đối số phát sinh, đồng thời cũng từ sổ chi tiết nguyên vật liệu, kế toán lập Bảng tổng hợp

nhập-xuất-tồn nguyên vật liệu. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu giữa Sổ Cái và Bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn, số liệu từ Sổ cái được dùng để lập Bảng cân đối số phát sinh. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Tiếp ví dụ 1: Ngày 20/01/2015, công ty mua 113.850 m² Sóng E của công ty TNHH Bao bì Quốc tế B&B, đơn giá chưa thuế là 5.121đ/m². Chi phí vận chuyển 1.000.000 đồng, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán.

Sau khi người bán xuất hóa đơn và công ty đã nhận đủ hàng.

Căn cứ vào hóa đơn mua hàng số 0000622 (Biểu số 2.1) và số lượng thực tế, kế toán tiến hành lập phiếu nhập kho (Biểu số 2.4)

Từ Phiếu nhập kho (Biểu số 2.4) và các chứng từ liên quan, kế toán ghi chép nghiệp vụ phát sinh vào Sổ Nhật ký chung, từ sổ Nhật ký chung kế toán phản ánh vào Sổ Cái TK 152.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp giữa Sổ cái và Bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn, kế toán căn cứ vào Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh, Sổ cái và Bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Tiếp ví dụ 2: Ngày 22/01/2015, công ty mua 937,66 kg Giấy Duplex của công ty TNHH Tân Gia Bình, đơn giá chưa có thuế là 11.300đ/kg, thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt. Chi phí vận chuyển được tính luôn vào giá mua.

Từ phiếu nhập kho (Biểu số 2.8) và các chứng từ liên quan, kế toán ghi chép nghiệp vụ phát sinh vào Sổ Nhật ký chung, từ sổ Nhật ký chung kế toán phản ánh vào Sổ Cái TK 152.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp giữa Sổ cái và Bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn, kế toán căn cứ vào Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh, Sổ cái và Bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Tiếp ví dụ 3: ngày 21/01/2015, xuất vật tư để sản xuất hộp carton bán cho công ty CP gốm Đất Việt.

Kế toán căn cứ vào phiếu xuất số 20/01 ngày 21/01/2015 (Biểu số 2.11) để ghi vào bảng kê phiếu xuất kho cho các nguyên vật liệu : Giấy Duplex, Mực in CL, Sóng E, Bản kẽm, Khuy lỗ theo dõi về số lượng.

Cuối kỳ, kế toán dựa vào bảng kê phiếu xuất kho để ghi vào sổ Nhật ký chung, và từ sổ Nhật ký chung kế toán lập sổ Cái TK 152.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp giữa Sổ cái và Bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn, kế toán căn cứ vào Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh, Sổ cái và Bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.23: Bảng kê phiếu xuất kho

CÔNG TY TNHH NAM QUÂN

Địa chỉ : Đường 208, xã An Đồng, huyện An Dương, Hải Phòng

BẢNG KÊ PHIẾU XUẤT KHO

Tháng 12/2015

Phiếu xuất		Diễn giải	Nguyên vật liệu xuất dùng					Cộng	
Số hiệu	Ngày tháng		Giấy Duplex (kg)	Mực in CL (kg)	Sóng E (m2)	Bản kẽm (tấm)	Khuy lỗ (bao)	
.....
PX15/12	18/12	Xuất VNL sx hộp con Everlast bán cho công ty TNHH Kaiyang	1.523	2,03	3.429			...	
PX20/12	21/12	Xuất NVL Sx hộp gạch bán cho công ty CP gốm Đất Việt	1.223	3,32	3.376	31,26	1,77		
PX21/12	22/12	Xuất NVL Sx hộp gạch bán cho công ty CP gốm Đất Việt	1.921	1,47	3.125			
.....	
Cộng lượng			28.069	225,73	102.717	31,26	5,45	...	
Đơn giá xuất			12.662	122.728	4.835	39.128	217.765	1.395.728.816
Thành tiền			355.395.643	27.703.323	496.585.337	1.223.141	1.257.413		1.395.728.816

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi số

(ký, họ tên)

Kê toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, đóng dấu)

Biểu số 2.24: Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Nam Quân

Mẫu số S03a-DNN

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: đường 208, xã An Đồng, huyện

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

An Đồng, HP

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU'	Số phát sinh	
SH	NT			NỢ	CÓ
.....
PN 13/12	20/12	Mua Sóng E của công ty TNHH Bao bì Quốc tế B&B	152	584.025.850	
HĐGTGT 0000662			133	58.402.585	
			331		642.428.435
PN 15/12	22/12	Mua Giấy Duplex của công ty TNHH Tân Gia Bình	152	13.221.000	
HĐGTGT 0001192			133	1.322.100	
PC11/12			111		14.543.100
.....
BKPXK T12/2015	31/12	Trị giá nguyên vật liệu xuất kho tháng 12	154	1.395.728.816	
			152		1.395.728.816
.....
		Cộng phát sinh		198.478.202.429	198.478.202.429

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.25: Sổ Cái TK 152Đơn vị: **CÔNG TY NAM QUÂN**

Địa chỉ: đường 208, xã An Đồng, huyện An Dương, HP

Mẫu số: S03b-DNN

(Ban hành kèm theo Quyết định

Số 48/2006/QĐ-BTC Ngày

14/09/2006 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI

Tài khoản: 152 – Nguyên vật liệu

Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		5.365.523.185	
.....
20/12	PN13/12 HD GTGT 0000622	20/12	Mua Sóng E của công ty TNHH bao bì quốc tế B&B về NK	331	584.025.850	
22/12	PN15/12 PC11/12	22/12	Mua Giấy Duplex của công ty TNHH Tân Gia Bình	111	13.221.000	
.....
29/12	PN17/12	29/12	Mua mực in CL của công ty CP XNK ngành in SIC	331	34.484.000	
31/12	BKPXK T12/2015	31/12	Trị giá nguyên vật liệu xuất kho tháng 12	154		1.395.728.816
.....
			Cộng phát sinh		15.936.289.669	18.569.864.362
			Số dư cuối kỳ		2.731.948.492	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi rõ họ tên)

2.2.3. Tổ chức kiểm kê tại công ty TNHH Nam Quân

Cuối năm công ty tổ chức kiểm kê nguyên vật liệu để phát hiện và xử lý chênh lệch giữa số liệu tồn kho nguyên vật liệu trên thực tế và số liệu trên sổ sách kế toán.

Bộ phận kiểm kê được lập gồm:

- Bà : Đoàn Thị Huyền Trang

Chức vụ: Kế toán trưởng

Đại diện: Trưởng ban

- Bà : Đoàn Thị Thu Huyền

Chức vụ: Thủ Kho

Đại diện: Ủy viên

- Ông: Nguyễn Quang Dũng

Chức vụ: Phòng kỹ thuật

Đại diện: Ủy viên

Sau khi thành lập Hội đồng kiểm kê, kế toán và thủ kho phải khóa sổ và giao nộp các sổ sách có liên quan đến nguyên vật liệu như sổ chi tiết nguyên vật liệu, thẻ kho... để hội đồng kiểm kê làm căn cứ để tiến hành kiểm kê, xác định số nguyên vật liệu thừa, thiếu..

Sau khi kiểm kê xác định chính xác kết quả kiểm kê, hội đồng kiểm kê sẽ báo cáo lên Ban Giám đốc để tìm rõ nguyên nhân đối với nguyên vật liệu thừa, thiếu để tiến hành xử lý theo quy định.

Hình thức kiểm kê về số lượng của công ty được thực hiện như sau:

- Tiến hành cân đối với những loại nguyên vật liệu như: Giấy Duplex, giấy bìa bìa, giấy in, giấy trắng, mực in CL, màng in, keo dán, bột khô,...
- Tiến hành đếm đối với nguyên vật liệu: Bản kẽm, phôi, xốp, khay lỗ,...
- Tiến hành đo bằng thước dây đối với nguyên vật liệu: Sóng E, Sóng E 2 lớp, sóng B, đề can, phim tách màu,...

Hình thức kiểm kê về chất lượng được tiến hành bằng cách kiểm tra độ trắng, độ dày của Giấy, kiểm tra độ rắn của bản kẽm, khay lỗ, kiểm tra độ lượn sóng của các loại sóng E, sóng B,...

Sau khi kiểm kê xong hội đồng kiểm kê sẽ lập Biên bản kiểm kê. Căn cứ vào biên bản kiểm kê này, Giám đốc công ty cùng Hội đồng kiểm kê sẽ có những quyết định xử lý phù hợp, đòi bồi thường nếu các nhân làm mất hay gây hư hỏng tùy theo mức độ nặng hay nhẹ..Căn cứ vào các biên bản xử lý kết quả kiểm kê, kế toán tiến hành ghi sổ.

Khi kiểm kê, căn cứ vào sổ dư cuối kỳ trên sổ chi tiết nguyên vật liệu của kế toán hoặc thẻ kho của thủ kho và số lượng thực tế của nguyên vật liệu trong kho, nếu phát hiện nguyên vật liệu dư thừa, thiếu, kế toán phải căn cứ vào nguyên nhân hoặc quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền để xử lý như sau:

- Nếu thừa, thiếu do nhầm lẫn hoặc chưa ghi vào sổ phải tiến hành bổ sung hoặc điều chỉnh số liệu trên sổ kế toán.

- Trường hợp phát hiện thiếu khi kiểm kê chưa xác định được nguyên nhân người phạm lỗi, kế toán ghi:

Nợ TK 138: Phải thu khác (TK 1381: Tài sản thiếu chờ xử lý)

Có TK 152: Nguyên vật liệu

Khi có quyết định chờ xử lý: Nếu người làm mất, hư hỏng phải bồi thường, kế toán ghi:

Nợ TK 111: nếu người làm mất bồi thường bằng tiền mặt

Nợ TK 334: trừ vào lương của công nhân viên làm mất hàng

Nợ TK 138(1388): nếu do người vận chuyển nguyên vật liệu làm mất

Nợ TK 632: trừ vào giá vốn nếu doanh nghiệp không muốn ai bồi thường

Có TK 138(1): số nguyên vật liệu thiếu

- Trường hợp phát hiện thừa chưa xác định được nguyên nhân phải chờ xử lý, kế toán ghi:

Nợ TK 152: Số nguyên vật liệu thừa

Có TK 3381: Tài sản thừa chờ giải quyết

- Khi có quyết định xử lý kế toán ghi:

Nợ TK 3381: Tài sản thừa chờ giải quyết

Có TK 711: Do nhầm lẫn trong quá trình cân, đo, đếm nguyên vật liệu.

Ví dụ 4: Ngày 30/12/2015, công ty tiến hành kiểm kê nguyên vật trong kho.

Bộ phận kiểm kê được lập gồm:

- Bà : Đoàn Thị Huyền Trang - Kế toán trưởng Đại diện: Trưởng ban

- Bà : Đoàn Thị Thu Huyền - Thủ Kho Đại diện: Ủy viên

- Ông: Nguyễn Quang - Phòng kỹ thuật Đại diện: Ủy viên

Hình thức kiểm kê về số lượng của công ty được thực hiện như sau:

- Tiến hành cân đối với những loại nguyên vật liệu như: Giấy Duplex, giấy bìa bìa, giấy in, giấy trắng, mực in CL, màng in, keo dán, bột khô,...

- Tiến hành đếm đối với nguyên vật liệu: Bản kẽm, phôi, xộp, khay lỗ,...

- Tiến hành đo đối với nguyên vật liệu: Sóng E, Sóng E 2 lớp, sóng B, đèn can, phim tách màu,...

Hình thức kiểm kê về chất lượng được tiến hành bằng kiểm tra độ trắng, độ dày của Giấy, kiểm tra độ rắn của bản kẽm, khay lỗ, kiểm tra độ lượn sóng của các loại sóng E, sóng B,...

Biểu số 2.26: Biên bản kiểm kê nguyên vật liệu

CÔNG TY TNHH NAM QUÂN

Đường 208, xã An Đồng, huyện An Dương, HP

BIÊN BẢN KIỂM KÊ NGUYÊN VẬT LIỆU

Thời điểm kiểm kê: Ngày 31 tháng 12 năm 20

Mẫu số: 05-VT

(Ban hành kèm theo Quyết định

Số 48/2006/QĐ-BTC Ngày

14/09/2006 của Bộ Tài Chính)

- Ban kiểm kê gồm có:

Bà : Đoàn Thị Huyền Trang

Chức vụ: Kế toán trưởng

Đại diện: Trưởng ban

Bà : Đoàn Thị Thu Huyền

Chức vụ: Thủ Kho

Đại diện: Ủy viên

Ông: Nguyễn Quang Dũng

Chức vụ: Kỹ thuật

Đại diện: Ủy viên

Đã kiểm kê kho có những mặt hàng dưới đây:

STT	Tên vật tư	Mã số	ĐVT	Đơn giá	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Phẩm chất		
					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
									Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền			
01	Giấy Duplex	04	kg	12.661	134.675	1.705.189.130	134.675	1.705.189.130					✓		
02	Sóng E	32	M2	4.827	122.521	592.362.317	122.521	592.362.317					✓		
03	Mực in CL	02	kg	122.728	28,81	3.535.820	28,81	3.535.820					✓		
04	Bản kẽm	15	Tấm	39.128	42,66	1.669.201	42,66	1.669.201					✓		
05	Khuy lỗ	37	bao	217.765	9,99	2.304.877	9,99	2.304.877					✓		
.....
	Cộng				352.573,63	2.731.948.492	352.573,63	2.731.948.492							

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Giám đốc

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Thủ kho

(ký, họ tên)

Phòng kỹ thuật

(ký, họ tên)

(Nguồn: Tư liệu kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Nam Quân năm 2015)

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH NAM QUÂN

3.1. Nhận xét chung về kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Nam Quân

Công ty TNHH Nam Quân là một công ty chuyên sản xuất về hộp, bao bì nên nguyên vật liệu sẽ chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, vì thế công tác quản lý cũng như sử dụng, hạch toán nguyên vật liệu có vị trí hết sức quan trọng trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất. Qua quá trình nghiên cứu thực tế về công tác quản lý, sử dụng và hạch toán nguyên vật liệu tại công ty cho thấy công ty rất cố gắng trong việc nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường. Nhưng qua thời gian thực tập nghiên cứu tại công ty, tuy trong công tác quản lý, sử dụng và hạch toán nguyên vật liệu đã có những ưu điểm nhưng cũng tồn tại một số hạn chế, em xin mạnh dạn đưa ra dưới đây, rất mong công ty tiếp tục phát huy những ưu điểm đồng thời nhanh chóng khắc phục những nhược điểm để hoàn thiện hơn nữa công tác quản lý, sử dụng và hạch toán nguyên vật liệu trong thời gian tới.

3.1.1. Ưu điểm

3.1.1.1. Tổ chức bộ máy quản lý

- Bộ máy quản lý của Doanh nghiệp được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng
- Ưu điểm:
 - + Cơ cấu chức năng phân chia các nhiệm vụ rất rõ ràng, thích hợp với những lĩnh vực cá nhân được đào tạo.
 - + Trong cơ cấu này, phần lớn các nhân viên đều dễ dàng hiểu công việc của phòng ban mình và công việc của mình.
 - + Cơ cấu chức năng thực hiện chặt chẽ chế độ một thủ trưởng.
 - + Tổ chức theo cơ cấu này thì các phòng ban, bộ phận sẽ hoạt động độc lập được với nhau, do đó sẽ không bị lặp lại công việc giữa các phòng ban làm cho công việc được hoàn thành nhanh nhất.
 - + Mỗi phòng ban sẽ đảm nhiệm riêng công việc của từng phòng nên khi phân công công việc không bị chòng chéo giữa các phòng ban với nhau, hiệu quả công việc được nâng cao.

3.1.1.2. Tổ chức về công tác kế toán

* Tổ chức bộ máy kế toán

- Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung.
- Hình thức này có ưu điểm là bảo đảm sự tập trung, thống nhất và chặt chẽ trong việc chỉ đạo công tác kế toán giúp đơn vị kiểm tra, chỉ đạo sản xuất kịp thời, chuyên môn hoá cán bộ, giảm nhẹ biên chế, tạo điều kiện cho việc ứng dụng các phương tiện tính toán hiện đại có hiệu quả.
- Trình độ cán bộ kế toán đều là người tốt nghiệp đại học và cao đẳng, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và có tâm huyết với nghề.

* Hệ thống chứng từ

Những chứng từ mà công ty sử dụng như: Hóa đơn GTGT, Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho,...đều đúng mẫu, phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ, thông tin ghi chép trên chứng từ đầy đủ, luân chuyển kịp thời để phục vụ công tác ghi sổ, được lưu trữ một cách cẩn thận, phân loại rõ ràng theo tháng trong tủ cất giữ chứng từ của công ty.

* Về chế độ kế toán áp dụng

Công tác tổ chức kế toán được thực hiện tốt theo chế độ kế toán ban hành theo Quyết định 48/2006- Ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

* Hệ thống tài khoản

Công ty sử dụng hệ thống tài khoản theo Quyết định 48/2006- Ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính, có sử dụng Tài khoản chi tiết.

* Hệ thống sổ sách

- Sổ sách công ty sử dụng gồm: Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái, Sổ chi tiết, Bảng tổng hợp, các Báo cáo tài chính
- Công ty ghi sổ sách theo hình thức Nhật ký chung. Hình thức này có ưu điểm là mẫu sổ đơn giản, dễ thực hiện, thuận tiện cho phân công lao động kế toán. Có thể thực hiện, đối chiếu kiểm tra về số liệu kế toán cho từng đối tượng kế toán ở mọi thời điểm, vì vậy kịp thời cung cấp thông tin cho nhà quản lý.
- Các biểu mẫu được lập đúng theo quy định, tiến hành ghi chép đúng theo quy trình ghi sổ của hình thức Nhật ký chung.
- Nhìn chung, công ty TNHH Nam Quân đang tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước về hệ thống chứng từ, sổ sách, tài khoản sử dụng,

đảm bảo sự thống nhất giúp Nhà nước có thể kiểm tra, giám sát một cách dễ dàng hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp.

3.1.1.3. Công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Nam Quân

*** Kế toán chi tiết nguyên vật liệu**

- Công ty hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.
- Ưu điểm của phương pháp này là ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra, đối chiếu, phát hiện sai sót trong việc ghi chép. Quản lý chặt chẽ tình hình biến động về số lượng hiện có của từng vật liệu và giá trị của chúng.
- Trong công tác hạch toán chi tiết hàng tồn kho tại công ty, phòng kế toán và thủ kho luôn có sự phối hợp chặt chẽ.
- Thủ kho theo dõi hàng hóa, quản lý chi tiết hàng hóa thực tế trong kho về số lượng, phẩm chất và quy cách nguyên vật liệu.
- Kế toán theo dõi nguyên vật liệu thông qua sổ sách và cụ thể là sổ chi tiết nguyên vật liệu. Cùng với đó, công ty luôn chú trọng đến công tác đối chiếu giữa sổ kế toán chi tiết với thẻ kho, đối chiếu số liệu trên bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn với số liệu trên sổ kế toán tổng hợp để đảm bảo tính hợp lý, chính xác.

*** Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu**

- Công ty hạch toán kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp này có nhiều ưu điểm vì nguyên vật liệu luôn được theo dõi, kiểm tra thường xuyên, liên tục, kịp thời, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.
- Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo đúng tài khoản quy định và được hạch toán ngay sau khi phát sinh vào các sổ sách liên quan.

*** Về phương pháp tính giá hàng tồn kho**

Công ty TNHH Nam Quân tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ. Phương pháp này có khối lượng ghi chép với tính toán ít giúp kế toán dễ dàng ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ kế toán.

*** Về thủ tục nhập-xuất nguyên vật liệu**

- Thủ tục nhập kho: Căn cứ vào tình hình kinh doanh thực tế, lượng nguyên vật liệu dự trữ trong kho và đơn đặt hàng của các khách hàng, phòng kinh doanh sẽ lập kế hoạch mua hàng. Nguyên vật liệu sẽ được

vận chuyển về kho của công ty. Thủ kho sẽ kiểm tra số lượng nguyên vật liệu thực tế, sau đó tiến hành nhập kho.

- Thủ tục xuất kho: Căn cứ vào các hợp đồng kinh tế, phân xưởng có nhu cầu xuất vật tư để sản xuất sẽ viết giấy đề nghị lĩnh vật tư chuyển cho phòng kinh doanh và giám đốc phê duyệt. Sau đó sẽ chuyển cho thủ kho để xác nhận và xuất vật tư giao cho phân xưởng sản xuất.
- Qua quy trình nhập-xuất vật tư của công ty có thể thấy quá trình nhập xuất diễn ra linh hoạt, chặt chẽ giữa các bộ phận, có kế hoạch cụ thể.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm trong công tác kế toán nguyên vật liệu vẫn còn những hạn chế sau:

*** Về phương pháp ghi chép sổ sách**

Phòng kế toán đã được trang bị máy vi tính để phục vụ công tác ghi chép sổ sách nhưng kế toán vẫn chủ yếu làm thủ công trên EXCEL. Phương pháp này vẫn rất mất thời gian, phải làm thủ công hàng ngày, sai sót vẫn còn nhiều ảnh hưởng đến tính kịp thời và hiệu quả trong công tác kế toán.

*** Về phương pháp tính giá hàng tồn kho**

Hiện nay công ty đang áp dụng phương pháp tính trị giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ. Phương pháp này có độ chính xác không cao, công việc tính toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hành khác. Ngoài ra, phương pháp này cũng chưa đáp ứng được yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

*** Công tác quản lý nguyên vật liệu**

- Nguyên vật liệu được chứa trong nhà kho của công ty và được sắp xếp theo từng chủng loại riêng biệt. Tuy nhiên do nhà kho còn nhỏ nên có nhiều loại nguyên vật liệu vẫn xếp chồng lên nhau gây ra hỏng nguyên vật liệu.
- Do tình trạng nguyên vật liệu trong công ty có nhiều, kế toán đánh danh điểm nguyên vật liệu theo mã số nên đôi khi dẫn đến tình trạng nhầm lẫn giữa các danh điểm nguyên vật liệu.

*** Về luân chuyển chứng từ**

Việc luân chuyển chứng từ giữa kho và phòng kế toán diễn ra thường xuyên nhưng giữa các bộ phận không có biên bản giao nhận nên dễ xảy ra tình trạng mất chứng từ.

*** Về công tác kiểm kê hàng tồn kho**

Do công ty chỉ tiến hành kiểm kê 1 lần duy nhất vào cuối năm nên dẫn tới tình trạng nguyên vật liệu bị mất hay hỏng mà không biết. Ảnh hưởng đến tính chất của nguyên vật liệu và quá trình sản xuất của công ty.

3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Nam Quân.**3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu**

Trong nền kinh tế có nhiều biến động như hiện nay, thì việc không ngừng hoàn thiện, khắc phục những mặt hạn chế, phát huy những điểm mạnh là mục tiêu hàng đầu của công ty nhằm giữ vững tốc độ phát triển của mình. Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu phải đạt được những mục đích sau:

- Khắc phục được những hạn chế trong công tác kế toán nguyên vật liệu
- Đáp ứng được những nhu cầu trong sản xuất, quản lý chung của công ty
- Nâng cao tốc độ phát triển của công ty phù hợp với tốc độ phát triển của nền kinh tế.

3.2.2. Yêu cầu và nguyên tắc hoàn thiện*** Yêu cầu:**

Kế toán tong doanh nghiệp nói chung mà ở đây cụ thể là kế toán nguyên vật liệu là công cụ đắc lực của doanh nghiệp trong quản lý sản xuất kinh doanh nói chung nên đòi hỏi nó phải luôn hướng tới sự hoàn thiện. Tuy nhiên, công tác kế toán lại thay đổi thường xuyên, liên tục tùy theo đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty qua từng giai đoạn và theo những chính sách chế độ quản lý tài chính mới của nhà nước. Chính vì thế mà quá trình tổ chức công tác kế toán của Doanh nghiệp phải đáp ứng được những yêu cầu sau:

- Tôn trọng nguyên tắc, chế độ, chuẩn, mực kế toán. Đây là yêu cầu bắt buộc, là cơ sở, nền tảng cho việc quản lý, điều hành thống nhất hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp khác nhau có thể áp dụng những hình thức, phương pháp kế toán khác nhau nhưng vẫn phải đảm bảo tuân thủ đúng chế độ, chuẩn mực kế toán của Nhà nước. Đó là hành lang pháp lý của công tác kế toán tạo ra khả năng đối chiếu, so sánh được và thuận tiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo, đào tạo đội ngũ kế toán.

- Tổ chức kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp về tổ chức sản xuất kinh doanh và công tác quản lý. Mỗi doanh nghiệp có đặc điểm sản xuất kinh doanh khác nhau thì sẽ lựa chọn một hình thức kế toán, phương pháp kế toán khác nhau để đảm bảo sự phù hợp đó. Nếu doanh nghiệp chỉ áp dụng cứng nhắc một hình thức, một phương pháp kế toán nào đó không thích hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp tất yếu sẽ tạo ra sự bất hợp lý trong khi hạch toán và không đem lại hiệu quả công tác kế toán như mong muốn. Tuy vậy việc lựa chọn này dù linh động đến đâu vẫn phải đảm bảo các chế độ, chuẩn mực của Nhà nước.
- Công tác kế toán phải đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Yêu cầu này có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc đưa ra quyết định của nhà quản trị doanh nghiệp.
- Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu phải trong mối quan hệ thống nhất với các phần hành kế toán khác, giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, kế toán tài chính và kế toán quản trị.

Chỉ có trên cơ sở đảm bảo các yêu cầu trên thì kế toán nguyên vật liệu mới thực hiện tốt vai trò của mình và trở thành công cụ quản lý hữu ích của doanh nghiệp.

*** Nguyên tắc**

Hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nói chung mà đặc biệt hạch toán kế toán nguyên vật liệu là một vấn đề phức tạp. Để đáp ứng được các yêu cầu quản lý sản xuất kinh doanh thì việc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu phải căn cứ vào các quy định của Bộ tài chính và phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Kiến nghị đưa ra phải tập trung vào các khâu còn thiếu sót
- Thực hiện theo nguyên tắc khả thi: Nguyên tắc này đảm bảo cho doanh nghiệp có thể thực hiện được và tuân thủ các quy định, chuẩn mực, chính sách của pháp luật.
- Đảm bảo nguyên tắc hiệu quả: Chi phí bỏ ra để thực hiện các biện pháp hoàn thiện phải có hiệu quả tốt hơn trước khi bỏ ra chi phí đó.
- Nguyên tắc nhất quán: Kế toán đã chọn phương pháp nào để hạch toán nguyên vật liệu thì phải áp dụng phương pháp đó trong cả niên độ kế toán

- Nguyên tắc thận trọng: Để hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu cần phải thận trọng trong từng bước.

3.2.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Nam Quân

❖ Về phương pháp ghi chép sổ sách

Công ty TNHH Nam Quân đã ứng dụng công nghệ vào việc ghi chép sổ sách nhưng vẫn chỉ là việc ghi chép thủ công trên EXCEL và vẫn còn rất nhiều hạn chế như: mất thời gian, phải làm thủ công hàng ngày, sai sót vẫn còn nhiều ảnh hưởng đến tính kịp thời và hiệu quả trong công tác kế toán. Do đó công ty nên áp dụng các phần mềm kế toán vào trong việc ghi chép sổ sách của mình vì nó có nhiều ưu điểm hơn so với kế toán trên EXCEL như:

- Thu thập, xử lý thông tin kế toán một cách nhanh chóng
- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động kiểm soát thông tin tài chính
- Xử lý, trình bày, cung cấp các chỉ tiêu kế toán về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp là liên tục, có sẵn, có căn cứ, đáp ứng yêu cầu sử dụng của các đối tượng khác nhau
- Đảm bảo chất lượng công việc

Một số phần mềm kế toán đang được sử dụng nhiều trên thị trường để công ty có thể lựa chọn như:

- Phần mềm kế toán FAST
- Phần mềm kế toán SMART SOFT
- Phần mềm kế toán MISA
- Phần mềm kế toán ACMAN

Qua tìm hiểu một số phần mềm kế toán chuyên dùng hay có thể sử dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, em thấy phần mềm kế toán MISA là thích hợp sử dụng cho công ty. Bên cạnh những tính năng hữu hiệu, MISA là phần mềm phổ biến thường được đưa vào giảng dạy tại các trường đại học hay trung tâm kế toán. Vì thế, việc áp dụng phần mềm này sẽ thuận lợi hơn, từ đó giúp giảm nhẹ công việc kế toán và áp lực cho nhân viên.

- **Phần mềm kế toán MISA.SME.NET 2015** gồm 13 phân hệ, được thiết kế cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ với mục đích giúp cho các doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ

thống phần mềm kế toán, quản lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Đặc biệt phần mềm hỗ trợ tạo mẫu, phát hành, in, quản lý và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP.

- Tính năng:
 - + Hỗ trợ in Hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP
 - + Dễ dàng sử dụng
 - + Cập nhật các chế độ tài chính mới nhất

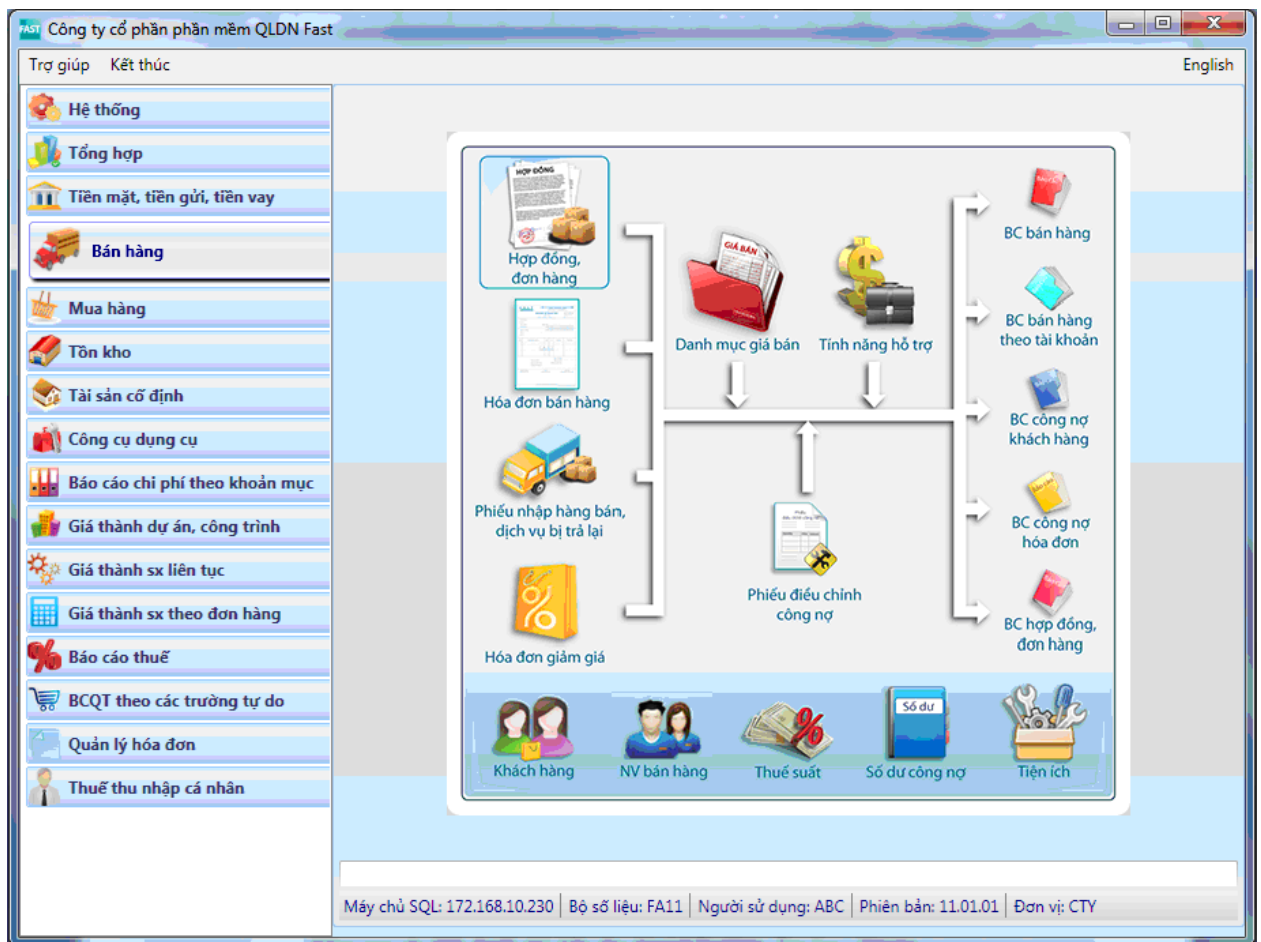
Biểu số 3.1: Giao diện phần mềm MISA



➤ Phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING 2015

- Là phần mềm được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ
- Phần mềm này được phát triển dựa trên công nghệ của Microsoft ngôn ngữ lập trình là C#.NET, cơ sở dữ liệu là SQL Server, có thể chạy trên máy đơn lẻ, mạng nội bộ hoặc làm việc từ xa qua internet. Đặc biệt Fast Accounting 11 có thể chạy đồng thời dưới dạng ứng dụng windows hoặc ứng dụng web thông qua các trình duyệt phổ biến như Internet Explorer, Fire Fox, Chrome...
- Fast Accounting cho phép chạy trên web-based giúp cho người sử dụng không phải cài đặt phần mềm trên máy tính, chỉ cần truy cập qua địa chỉ trên web, gõ tên và mật khẩu là có thể làm việc bình thường. Điều này đặc biệt thuận lợi khi làm việc từ xa và khi mở rộng thêm văn phòng, chi nhánh, cửa hàng...

Biểu số 3.2: Giao diện phần mềm kế toán FAST



❖ Về phương pháp tính giá hàng tồn kho

- Hiện nay công ty đang áp dụng tính trị giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.
- Phương pháp này có độ chính xác không cao, công việc tính toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hành khác. Ngoài ra, phương pháp này cũng chưa đáp ứng được yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.
- Vì vậy công ty có thể áp dụng phương pháp bình quân liên hoàn. Phương pháp này có ưu điểm là tính toán chính xác, biết được trị giá tồn tại mọi thời điểm và có thể cung cấp thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh các nghiệp vụ kinh tế. Tuy nhiên, phương pháp này vẫn có hạn chế là tính toán mất công, sau mỗi lần nhập lại phải tính lại đơn giá xuất kho nhưng hạn chế này đã được khắc phục bằng phần mềm, do đó ta không phải mất công sức tính toán.

❖ Về việc bảo quản hàng tồn kho

- Công ty TNHH Nam Quân là công ty sản xuất nên lượng nguyên vật liệu tại công ty rất nhiều nhưng kho chứa của công ty lại nhỏ, còn nhiều loại nguyên vật liệu vẫn phải xếp chồng lên nhau gây ra tình trạng đổ vỡ, mất mát, hỏng nhiều nguyên vật liệu.

Vì thế công ty có thể xem xét việc mở rộng thêm nhà kho để chứa nguyên vật liệu. Tránh tình trạng xếp chồng lên nhau, thuận lợi cho việc lấy sử dụng và giảm tình trạng thiệt hại nguyên vật liệu do những nguyên nhân khách quan.

❖ Về việc lập sổ danh điểm vật tư

- Công ty có lượng nguyên vật liệu nhiều chủng loại nhưng lại đánh danh điểm vật tư theo mã số nên dễ gây nhầm lẫn giữa các vật tư, cũng không phân biệt đâu là nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ

Ví dụ: Sóng E đánh danh điểm là 152-32

Bản kẽm đánh danh điểm là 152-15

.....

- Vì vậy công ty có thể xem xét đánh danh điểm vật tư theo chữ cái đầu tiên của tên vật tư và phân loại rõ nhóm nguyên vật liệu chính và nhóm nguyên vật liệu để dễ dàng kiểm soát, nhận biết theo bảng danh điểm như sau:

Biểu số 3.3: Sổ danh điểm vật tư

Nhóm	Mã danh điểm	Tên nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Ghi chú
1521	Nguyên vật liệu chính			
	1521-GD	Giấy Duplex	Kg	
	1521-GBB	Giấy bãi bằng	Kg	
	1521-GI	Giấy in	Kg	
	1521-GC	Giấy cuộn	M2	
	1521-SE	Sóng E	M2	
	1521-SB	Sóng B	M2	
	1521-SA	Sóng A	M2	

1522	Nguyên vật liệu phụ			
	1522-MI	Mực in	kg	
	1522-BK	Bản kẽm	Tám	
	1522-DG	Đinh ghim	bao	
	1522-PTM	Phim tách màu	M2	
	1522-NL	Nhựa lỏng	lít	

❖ Về công tác kiểm kê nguyên vật liệu

- Công ty chỉ tiến hành kiểm kê 1 lần duy nhất vào cuối năm nên dẫn tới tình trạng nguyên vật liệu bị mất hay hỏng mà không biết. Ảnh hưởng đến tính chất của nguyên vật liệu và quá trình sản xuất của công ty. Vì vậy công ty có thể xem xét tiến hành kiểm kê theo quý để tránh tình trạng nguyên vật liệu bị mất hay hỏng mà không phát hiện kịp thời ảnh hưởng tới việc sản xuất kinh doanh của công ty.

❖ Giải pháp về việc luân chuyển chứng từ

- Việc luân chuyển chứng từ giữa kho và phòng kế toán diễn ra thường xuyên nhưng giữa các bộ phận không có biên bản giao nhận nên dễ xảy ra tình trạng mất chứng từ.
- Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ phải ký nhận vào sổ giao nhận chứng từ. Nếu xảy ra tình

trạng mất chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Ví dụ: Tình hình nguyên vật liệu tháng 12 tại kho của công ty như sau:

Khi nhập-xuất kho nguyên vật liệu, thủ kho tiến hành viết phiếu nhập kho, xuất kho, sau đó ghi chi tiết về số lượng vào thẻ kho. Sau đó, thủ kho chuyển lại cho kế toán nguyên vật liệu để vào sổ sách kế toán, thủ kho và kế toán phải ký vào sổ giao nhận chứng từ của công ty theo mẫu sau:

Biểu số 3.4: Sổ giao nhận chứng từ

SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Tháng 12/2015

STT	Chứng từ		Nội dung chứng từ	Nơi nhận chứng từ	Người nhận	Ký tên
	Ngày	Số hiệu				
....
12	07/12	PN08/12	Nhập kho Giấy Duplex	Phòng TC- kế toán	Đoàn Thị Thu Huyền	
13	08/12	PN09/12	Nhập kho Bản kẽm	Phòng TC- kế toán	Đoàn Thị Thu Huyền	
14	10/12	PX05/12	Xuất kho Giấy Duplex, bản kẽm, Sóng E	Phòng TC- kế toán	Đoàn Thị Thu Huyền	
....
20	18/12	PX15/12	Xuất kho Sóng E, Khuy lỗ,..	Phòng TC- kế toán	Đoàn Thị Thu Huyền	
....
21	20/12	PX21/12	Xuất kho Giấy Duplex. Keo dán,...	Phòng TC- kế toán	Đoàn Thị Thu Huyền	
...

KẾT LUẬN

Như vậy có thể khẳng định rằng công tác kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng có vai trò cực kỳ quan trọng trong công tác quản lý kinh tế. Thực hiện tốt công tác hạch toán nguyên vật liệu tạo điều kiện cho công ty quản lý và sử dụng vật liệu tiết kiệm, có hiệu quả, góp phần nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm, giảm được chi phí nguyên vật liệu trong giá thành, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động, hạn chế các hiện tượng tiêu cực gây mất mát lãng phí làm thiệt hại tài sản của Doanh nghiệp, đồng thời cung cấp những thông tin cần thiết giúp lãnh đạo doanh nghiệp đưa ra các quyết định đúng đắn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Sau một thời gian nghiên cứu tại công ty TNHH Nam Quân, nắm bắt được tầm quan trọng của kế toán nguyên vật liệu, em đã mạnh dạn tìm hiểu về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty để thấy được những mặt mạnh cần phát huy và những tồn tại cần khắc phục nhằm góp phần hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng tại công ty TNHH Nam Quân.

“Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Nam Quân” là một đề tài có tính thực tiễn. Tuy nhiên do thời gian thực tập nghiên cứu tại công ty có hạn nên bài nghiên cứu này vẫn còn những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đánh giá, đóng góp ý kiến của các thầy, cô để bài nghiên cứu được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn thầy cô giáo cùng anh chị trong phòng kế toán và đặc biệt là cô giáo Trần Thị Thanh Phương đã giúp đỡ em hoàn thành bài nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. TS.Lê Thị Thanh Hà và ThS.Nguyễn Quỳnh Hoa , *Giáo trình kế toán tài chính* ,Nhà xuất bản tài chính
2. PGS.TS.Nguyễn Phú Giang, TS.Nguyễn Trúc Lê , *Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính* ,Nhà xuất bản đại học kinh tế quốc dân
3. PGS.TS.Võ Văn Nhi, *Chế độ kế toán Doanh nghiệp vừa và nhỏ*, Nhà xuất bản thống kê.
4. Tư liệu kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Nam Quân năm 2015